**Nhóm bài 5: NHỮNG TÌNH HUỐNG KHÔI HÀI (Hài kịch)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** | **Đơn vị công tác** | **Tên bài soạn** |
| 1 | Vũ Thị Xoan | Cư kuin, Đắk Lắk | - Tri thức Ngữ văn + VB 1: Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục  - Đọc mở rộng theo thể loại: Thuyền trưởng tàu viễn dương |
| 2 | Vương Thị Mai | Krông Bông, Đăk Lăk | - VB2: Cái chúc thư |
| 3 | Lưu Thủy Tiên | Di Linh, Lâm Đồng | - Đọc kết nối chủ điểm: Loại vi trùng quý hiếm  - Ôn tập bài 5 |
| 4 | Chu Ngọc Thanh | Ia Grai, Gia Lai | - Thực hành tiếng Việt |
| 5 | Nguyễn Thị Minh Nhịn | Tuy Phong, Bình Thuận | - Viết: Viết văn bản kiến nghị về một vấn đề đời sống |
| 6 | Cao Nguyên Bình | Khánh Hòa, An Giang | - Nói và nghe: Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội |
| 7 | Nguyễn Anh Phương | Thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh | - Ôn tập cuối kì I |

**BÀI 5: NHỮNG TÌNH HUỐNG KHÔI HÀI**

**I. MỤC TIÊU** *Học sinh đạt được****:***

**1. Kiến thức**

- Một số yếu tố của hài kịch: xung đột, hành động, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng…

- Chủ đề, thông điệp văn bản, một số căn cứ để xác định chủ đề

- Đặc điểm và chức năng của trợ từ, thán từ.

- Viết văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống.

- Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội, nêu rõ ý kiến và các luận điểm sử dụng lý lẽ và bằng chứng thuyết phục.

**2. Năng lực**

***2.1. Năng lực đặc thù***

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch: xung đột, hành động, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng…

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, thông điệp văn bản, một số căn cứ để xác định chủ đề.

- Hiểu mỗi người đọc có thể có cách tiếp nhận riêng đối với một văn bản văn học, biết tôn trọng và học hỏi cách tiếp nhận của người khác.

- Nhận biết được đặc điểm và chức năng của trợ từ, thán từ.

- Viết được văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống.

- Trình bày được ý kiến về một vấn đề xã hội, nêu rõ ý kiến và các luận điểm sử dụng lý lẽ và bằng chứng thuyết phục.

***2.2. Năng lực chung***

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.

- Tự chủ và tự học.

**3. Phẩm chất**

- Ý thức được sự bình đẳng, dân chủ, có vẻ thái độ phê phán cái xấu, trân trọng tiếng cười trong cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học**

- Sách giáo khoa, Sách giáo viên

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A0 hoặc bảng phụ

- Phiếu học tập.

**2. Học liệu**

- Tri thức ngữ văn

- Một số video, hình ảnh liên quan đến nội dung bài học

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**PHẦN TRI THỨC ĐỌC HIỂU**

**HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

***a. Mục tiêu****:* Giúp HS

- Tạo hứng thú, tâm thế kết nối học sinh vào chủ đề bài học

- Hệ thống tri thức đọc hiểu của chủ đề

***b. Nội dung****: GV đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài học.*

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| Tổ chức thực hiện | Sản phẩm dự kiến |
| B1: Giao nhiệm vụ học tập  - Em có thích xem hài kịch không?  - Cảm xúc của em khi xem hài kịch?  B2. Thực hiện nhiệm vụ  - HS lắng nghe và hoạt động cá nhân  GV theo dõi, quan sát HS  B3: Báo cáo/ Thảo luận  - HS được trả lời cá nhân theo tinh thần tự chủ động  B4: Kết luận/ nhận định  - GV nhận xét câu trả lời; chốt kiến thức, chuyển dẫn vào chủ đề bài học | *- Tùy cảm nhận, chia sẻ của HS* |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

***a. Mục tiêu****:*

- Hệ thống tri thức đọc hiểu về đặc trưng của thể loại hài kịch

***b. Nội dung****:*

GV giao phiếu học tập trước buổi học, lên lớp gọi HS bất kì lên báo cáo sản phẩm theo nội dung đã chuẩn bị ở nhà.

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| Tổ chức thực hiện | Sản phẩm dự kiến |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ  GV giao PHT số 1 “Phiếu tìm hiểu về hài kịch, căn cứ xác định chủ đề trong văn bản” (hồ sơ dạy học) trước buổi học, lên lớp gọi HS bất kì lên báo cáo sản phẩm theo nội dung đã chuẩn bị ở nhà.  B2: Thực hiện nhiệm vụ  - HS làm việc cá nhân ở nhà  B3: Báo cáo Thảo luận  - HS báo cáo sản phẩm => HS khác bổ sung  B4: Kết luận nhận định  - GV nhận xét chốt đáp án và tri thức thể loại | **Tri thức đọc hiểu**  **1. Khái niệm hài kịch**  - Hài kịch là thể loại dùng biện pháp gây cười để chế giễu các tính cách và hành động xấu xa, lố bịch, lỗi thời của con người.  **2. Đặc điểm của hài kịch**  **- Nhân vật của hài kịch:** là đối tượng của tiếng cười, gồm những hạng người hiện thân cho thói hư, tật xấu hay sự thấp kém. Tính cách của nhân vật được thể hiện qua những biến cố dẫn đến sự phơi bày phê phán cái xấu.  **- Hành động trong hài kịch:** là toàn bộ hành động của các nhân vật (lời thoại, điệu bộ, cử chỉ) tạo nên nội dung của tác phẩm. Hành động thể hiện qua lời thoại dưới các dạng khác nhau. Các hành động đều dẫn đến xung đột và giải quyết xung đột từ đó thể hiện chủ đề.  **- Xung đột kịch:** nảy sinh dựa trên sự đối lập, mâu thuẫn tạo nên tác động qua lại giữa các nhân vật hay các thế lực. Xung đột thường diễn ra giữa cái thấp kém với cái thấp kém.  **- Lời thoại:** là lời của các nhân vật nói với nhau (đối thoại) nói với bản thân (độc thoại) hay nói với khán giả (bàng thoại). Lời thoại góp phần thúc đẩy xung đột hài kịch phát triển.  **- Lời chỉ dẫn sân khấu:** là những chú thích ngắn gọn của tác giả biên kịch nhằm hướng dẫn gợi ý về cách bài trí, xử lý âm thanh, ánh sáng, việc ra vào sân khấu của diễn viên cùng trang phục, hành động, cử chỉ của họ…  **- Thủ pháp trào phúng:** các thủ pháp thường sử dụng như phóng đại tính phi lo-gic, không hợp tình thế trong hành động của nhân vật, thủ pháp tăng tiến, giễu nhại, mỉa mai, nối nói hóm hỉnh, chơi chữ nối nói nghịch lý…. |

**A. PHẦN ĐỌC**

**VĂN BẢN 1: ÔNG GIUỐC-ĐANH MẶC LỄ PHỤC**

*(Mô-li-e)*

**1. Mục tiêu**

**1. Kiến thức**

- Một số yếu tố của hài kịch: xung đột, hành động, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng…

- Chủ đề, thông điệp văn bản, một số căn cứ để xác định chủ đề

**2. Năng lực**

***2.1. Năng lực đặc thù***

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch: xung đột, hành động, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng…

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, thông điệp văn bản, một số căn cứ để xác định chủ đề.

***2.2. Năng lực chung***

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.

- Tự chủ và tự học.

**3. Phẩm chất**

- Ý thức được sự bình đẳng, dân chủ, có vẻ thái độ phê phán cái xấu, trân trọng tiếng cười trong cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học**

- SGK, SGV

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm

- Phiếu học tập

**2. Học liệu**

- Tác phẩm “Trưởng giả học làm sang”

- Video liên quan đến bài học.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho học sinh kết nối vào nội dung bài học

**b. Nội dung**: GV yêu cầu học sinh xem video sau và nêu cảm nhận ban đầu của em về nhân vật chính.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| Tổ chức thực hiện | Sản phẩm dự kiến |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu học sinh xem video sau và nêu cảm nhận ban đầu của em về nhân vật chính.  B2: Thực hiện nhiệm vụ  HS hoạt động cá nhân: theo dõi video, ghi nhanh ra giấy note  B3: Báo cáo/ Thảo luận  GV mời 1 – 2 HS chia sẻ nhanh trước lớp  B4: Kết luận/ Nhận định  GV nhận xét, dẫn dắt vào bài | Tùy theo chia sẻ của học sinh: |

**Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Phần I. Trải nghiệm đọc cùng văn bản và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** - Học sinh đọc văn bản, trả lời câu hỏi theo dõi, suy luận.

- Nhận biết được đôi nét về tác giả Mô-li-e và đoạn trích văn bản

**b. Nội dung**: GV cho HS đọc văn bản và trả lời câu hỏi trải nghiệm cùng văn bản

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, kết quả thảo luận

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| Tổ chức thực hiện | Sản phẩm dự kiến |
| *B1: Chuyển giao nhiệm vụ*  GV hướng dẫn cách đọc văn bản (đọc thầm) và trả lời câu hỏi trong hộp chỉ dẫn.  - GV yêu cầu HS giới thiệu về tác giả Mô-li-e  (*1) Tên tuổi xuất thân*  *(2) Các tác phẩm nổi tiếng*  - Xuất xứ văn bản?  - Tóm tắt lại tác phẩm “Trưởng giả học làm sang”  - Xác định vị trí 2 cảnh chính của vở kịch?  *B2: Thực hiện nhiệm vụ*  - HS đóng vai đọc và lắng nghe văn bản theo hướng dẫn  - HS hoạt động cá nhân  *B3: Báo cáo/ Thảo luận*  *- HS trả lời cá nhân*  *B4: Kết luận/ Nhận định*  GV nhận xét, chốt kiến thức, giới thiệu sơ đồ bố cục vở hài kịch “Trưởng giả học làm sang”. | **1. Đọc văn bản**  **2. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  **- Mô-li-e (1622 -1673)** nhà soạn kịch nổi tiếng người Pháp.  - những vở kịch nổi tiếng: Trưởng giả học làm sang, Lão hà tiện, Người bệnh tưởng.  **b. Tác phẩm**  **- Xuất xứ:** Đoạn trích là lớp kịch kết thúc hồi 2 , trích vở kịch 5 hồi *Trưởng giả học làm sang.*  - Thể loại: hài kịch  - Bố cục:  ***Cảnh 1:*** *Ông Giuốc-đanh và bác phó may*  ***Cảnh 2:*** *Ông Giuốc-đanh và 4 thợ phụ* |

**Phần II. Suy ngẫm và phản hồi**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch: xung đột, hành động, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng…

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, thông điệp văn bản, một số căn cứ để xác định chủ đề.

**b. Nội dung**:

- GV cho HS thảo luận nhóm

- HS làm việc nhóm trưng bày sản phẩm

**c. Sản phẩm:**

- Phiếu học tập, phần trình bày của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tổ chức thực hiện | | Sản phẩm dự kiến |
| *B1: Chuyển giao nhiệm vụ*  *NV1:*  *- Liệt kê tên các nhân vật trong văn bản “Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục”?*  *- Các nhân vật ấy hiện thân cho cái cao cả hay cái thấp kém?*  *- Tiếng cười chủ yếu hướng đến nhân vật nào?*  *NV2: Tìm hiểu hành động, ngôn ngữ, xung đột hài kịch*  *Em hiểu thế nào là hành động trong hài kịch?,*  *Chia lớp thành 4 hoặc 8 nhóm thảo luận hoàn thành các phiếu học tập 2, 3a, 3b, 3c (hồ sơ dạy học)*  *Phiếu học tập số 2 tìm hiểu về hành động, ngôn ngữ hài kịch.*  *Phiếu học tập số 3a,b,c tìm hiểu về xung đột hài kịch.*  *- Qua các hành động và xung đột kịch em hiểu nhân vật ông Giuốc-đanh và phó may là những người như thế nào?*  *- Theo em, vì sao hành động của các nhân vật và cách giải quyết xung đột trong màm kịch trên lại làm bật lên tiếng cười?*  *B2: Thực hiện nhiệm vụ*  - HS thảo luận nhóm  *B3: Báo cáo/ Thảo luận*  *-* GV gọi HS và nhóm bất kì báo cáo sản phẩm => nhóm khác bổ sung  *B4: Kết luận/ Nhận định*  GV nhận xét, chốt kiến thức | | **1. Nhân vật, hành động, ngôn ngữ và xung đột hài kịch**  **a. Nhân vật**  **- Nhân vật:** *Ông Giuốc-đanh, phó may, thợ phụ.*  **- Các nhân vật** *(Ông Giuốc-đanh, phó may, thợ phụ) đều hiện thân cho cái thấp kém.*  **- Tiếng cười** *hướng đến tất cả các nhân vật nhưng chủ yếu hướng đến nhân vật ông Giuốc-đanh, cụ thể là thói học làm sang lố bịch của ông.*  **b. Hành động, ngôn ngữ**  **- Hành động trong hài kịch:** là toàn bộ hành động của các nhân vật (lời thoại, điệu bộ, cử chỉ) tạo nên nội dung của tác phẩm. Hành động thể hiện qua lời thoại dưới các dạng khác nhau: tấn công – phản công, thăm dò – lảng tránh, chất vấn – chối cãi, cầu xin – từ chối… |
| Dự kiến phiếu học tập số 2   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Nhân vật, lời thoại** | **Hành động** | **Tác động** | | Ông Giuốc-Đanh – Thế này là thế nào? Bác may hoa ngược mất rồi! | Chất vấn, trách cứ, bực bội, chê bai | Làm nảy sinh xung đột | | Phó may – nào ngài có bảo là ngài muốn may xuôi đâu! | Chối cãi, chống chế | Kiềm chế, ngăn chặn xung đột | | Ông Giuốc-Đanh – Lại cần phải bảo may hoa xuôi ư? | Ngờ vực, thắc mắc | Duy trì xung đột | | Phó may – Vâng, phải bảo chứ. Vì những người quý phái đều mặc như thế cả. | Chống chế, lừa bịp | Kiềm chế, ngăn chặn xung đột | | Ông Giuốc-Đanh – những người quý phái mặc áo ngược hoa ư?  Phó may – Thưa ngài, vâng | Bị lừa bịp - giải tỏa ngờ vực | Hòa hoãn | | Ông Giuốc-Đanh - Ồ! Thế thì bộ áo này may được đấy. | Tỏ sự hài lòng, khen ngợi | Thuyết phục và bị thuyết phục, mâu thuẫn được giải quyết |   c. Xung đột kịch  Dự kiến phiếu học tập số 3a  Bảng 1. Xung đột liên quan đến hành vi (1) của phó may: Mua bít tất quá chật   |  |  | | --- | --- | | Hành động và xung đột | Giữa ông Giuốc-Đanh và phó may | | Các hành động làm nảy sinh xung đột (1) | - Phó may:  + Hành vi (1): ăn bớt tiền (mua bít tất chật).  Ông Giuốc-Đanh:  + Hành vi/ lời thoại: kêu than, trách móc, bực dọc khi thử bít tất chật bị đau chân. | | Các hành động giải quyết xung đột (1) | - Phó may:  + Hành vi/ lời thoại: lí sự, tìm cách xoa dịu, phủ định về chuyện bít tất chật gây dau chân.  => Xung đột (1) được giải quyết |   Dự kiến phiếu học tập số 3b  Bảng 2. Xung đột liên quan đến hành vi (2) của phó may: May hoa ngược   |  |  | | --- | --- | | Hành động và xung đột | Giữa ông Giuốc-Đanh và phó may | | Các hành động làm nảy sinh xung đột (2) | - Phó may:  + Hành vi (2): may hoa ngược; lời thoại: ba hoa, khoác lác về chất lượng bộ lễ phục.  - Ông Giuốc-Đanh:  + Hành vi/ lời thoại: ngờ vực, chất vấn về hoa trên áo phạm lỗi may ngược. | | Các hành động giải quyết xung đột (2) | - Phó may:  + Hành vi/ lời thoại: lí sự, tìm cách xoa dịu, phủ định về chuyện bít tất chật gây dau chân.  - Ông Giuốc-Đanh:  + Hành vi/ lời thoại: chuyển từ bực bội sang hài lòng, từ chê sang khen.  => Xung đột (2) được giải quyết |   Dự kiến phiếu học tập số 3c  Bảng 3. Xung đột liên quan đến hành vi (3) của phó may: Ăn bớt vải   |  |  | | --- | --- | | Hành động và xung đột | Giữa ông Giuốc-Đanh và phó may | | Các hành động làm nảy sinh xung đột (2) | - Phó may:  + Hành vi (3): ăn bớt vải (gạn vải may lễ phục của ông Giuốc-Đanh để may áo cho bản thân  - Ông Giuốc-Đanh:  + Hành vi/ lời thoại: phát hiện, phản ánh việc phó may ăn bớt vải của mình may cho hắn. | | Các hành động giải quyết xung đột (3) | - Phó may:  + Hành vi/ lời thoại: lấy lí do vải tốt, đẹp, dùng từ ngữ lập lờ “gạn” che đậy hành vi; đánh lạc hướng sang thử lễ phục.  - Ông Giuốc-Đanh:  + Hành vi/ lời thoại: chưa kịp phản ứng về việc bị ăn bớt vải đã bị mê hoặc bởi việc thử lễ phục theo cách thức các nhà quý phái.  **=> Xung đột (3) được giải quyết** |   - Ông Giuốc- đanh: Mê muội, ngu dốt, ngớ ngẩn  - Bác phó may: Láu cá, lừa bịp  *- Yếu tố hài được xây dựng trên cơ sở “Cái trái tự nhiên”:* Tiếng cười bật ra từ nhiều nguyên nhân, hành vi, lời nói của các nhân vật, nhưng suy cho cùng nó toát ra từ thói thích học làm sang của ông Giuốc-đanh. Là “trưởng giả học làm sang”, ông ta tự biến mình thành kẻ lố bịch hoặc dễ dàng bị người khác xỏ mũi, biến ông ta thành lố bịch. | | |
| Tổ chức thực hiện | **Sản phẩm dự kiến** | |
| *B1: Chuyển giao nhiệm vụ*  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *1. Màn kịch Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục khai thác dạng xung đột nào trong các dạng xung đột dưới đây?*  *a, Xung đột giữa " cái cao cả" với " cái cao cả"*  *b, Xung đột giữa " cái cao cả" với " cái thấp kém"*  *c, Xung đột giữa " cái thấp kém" với " cái thấp kém"*  *Dựa vào đâu em khẳng định như vậy?*  *2. Xác định chủ đề văn bản?*  *3. Phân tích một trong những thủ pháp trào phúng mà em cho là hiệu quả rõ rệt trong việc thể hiện chủ đề?*  *B2: Thực hiện nhiệm vụ*  - HS thảo luận nhóm hợp tác hoàn thành phiếu  *B3: Báo cáo/ Thảo luận*  *-* GV gọi đại diện các nhóm trình bày sản phẩm  - Các nhóm khác nhận xét và bổ sung  *B4: Kết luận/ Nhận định*  GV nhận xét, chốt kiến thức | **2. Kiểu xung đột, chủ đề văn bản và thủ pháp trào phúng**  **a. Kiểu xung đột**  ***-*** *Xung đột giữa " cái thấp kém" với " cái thấp kém"*  ***- Các nhân vật*** *(Ông Giuốc-đanh, phó may, thợ phụ) đều hiện thân cho cái thấp kém*  *.* ***b. Chủ đề văn bản***  - Sự tốn kém và lố bịch của ông Giuốc-đanh trong việc mặc lễ phục nhằm thỏa mãn ham muốn “học làm sang”.  **c. Thủ pháp trào phúng**  - Thủ pháp phóng đại (nói quá), thủ pháp lặp lại và tăng tiến, thủ pháp phóng đại sự lố bịch bằng những động tác cơ thể.  **- VD:** Thủ pháp phóng đại có tác dụng tô đậm, chế giễu sự ngớ ngẩn của ông Giuốc-đanh: ông tin vào một điều rất vô lý rằng: hoa may ngược trên lễ phục là “mốt” thời thượng hay sở thích của những người quý phái. | |
| Tổ chức thực hiện | **Sản phẩm dự kiến** | |
| *B1: Chuyển giao nhiệm vụ*  GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  - Những cụm từ in nghiêng đặt trong ngoặc đơn như: “ông Giuốc-đanh (nhìn bác phó may),  “ông Giuốc-đanh (nói riêng) là lời của ai và có vai trò như thế nào trong văn bản?  - Nếu thiếu đi các đoạn văn in nghiêng ở giữa và cuối văn bản thì việc phát triển xung đột kịch thể hiện tính cách nhân vật ông Giuốc-đanh và tạo tiếng cười trong kịch bản sẽ bị ảnh hưởng như thế nào?  *B2: Thực hiện nhiệm vụ*  HS hoạt động cá nhân  *B3: Báo cáo/ Thảo luận*  GV yêu cầu 1 -2 HS trình bày, HS khác nhận xét bổ sung  *B4: Kết luận Nhận định*  GV nhận xét, chốt kiến thức | **3. Vai trò của chỉ dẫn sân khấu**  *- Gợi ý, chỉ dẫn việc ra, vào sân khấu, cách diễn xuất của diễn viên, cách bài trí sân khấu.*  *- Đoạn văn in nghiêng trong văn bản là chỉ dẫn sân khấu:*  *+ Có vai trò chỉ dẫn việc tổ chức hoạt động của các diễn viên trên sân khấu.*  *+ Đây còn như màn kịch không lời phô bày 1 cách tập trung tính chất lố bịch, nhố nhăng trong hành động của các nhân vật.*  *=> Đoạn văn cho thấy sự sáng tạo độc đáo, đầy dụng ý và hiệu quả của Mô-li-e.* | |

**Hoạt động 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung**: Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài học

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| Tổ chức thực hiện | Sản phẩm dự kiến |
| *B1: Chuyển giao nhiệm vụ*  *Một số bạn cho rằng nên dung Trưởng giả học làm sang làm nhan đề cho văn bản trên; một số khác lại cho rằng Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục mới sát hợp với nội dung văn bản trên? Em tán đồng ý kiến nào? Vì sao?*  *B2: Thực hiện nhiệm vụ*  HS thảo luận nhóm đôi  *B3: Báo cáo/ Thảo luận*  GV mời 2 – 3 HS trình bày trước lớp  *B4: Kết luận/ Nhận định*  GV nhận xét, cho điểm | Thực ra “Trường giả học làm sang” là nhan đề của vở hài kịch lớn gồm 5 hồi dùng “Trưởng giả học làm sang” làm nhanh để cho hồi nảy cũng phù hợp. Tuy nhiên, ở hồi này chủ đề “học làm sang” xoay quanh việc học mặc lễ phục của ông Giuốc-đanh. Vì thế dùng nhan để “Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục” có ưu điểm là sát với hành động và tình huống cụ thể. Điều này cũng cho thấy, đối với một văn bản tùy góc nhìn có thể đặt các nhan đề khác nhau. |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức vào giải quyết nhiệm vụ đặt ra.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| Tổ chức thực hiện | Sản phẩm dự kiến |
| *B1: Chuyển giao nhiệm vụ*  *Làm việc theo nhóm, đóng vai nhân vật trong lớp kịch Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục và lập buổi talk show bàn về những vấn đề sau:*  *Em đánh giá thế*  *nào về nhân vật Giuốc-đanh và những tên thợ may. Họ đại diện cho ai?*  *Trang phục (cái bề ngoài) có làm thay đổi được bản chất con người không?*  *Đánh giá hiện tượng muốn chứng minh đẳng cấp sành điệu qua vẻ bề ngoài trong xã hội nay*  *B2: Thực hiện nhiệm vụ*  HS hoạt động nhóm, làm video  *B3: Báo cáo/ Thảo luận*  Gửi video lên patlet, HS bình chọn, chấm điểm  *B4: Kết luận/ Nhận định*  GV thống kê nhận xét, cho điểm | Video sản phẩm của học sinh |

**IV. Hồ sơ dạy học**

**Phiếu học tập số 1:**

A picture containing text, electronics, screenshot, number

Description automatically generated

**Phiếu học tập số 2**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phiếu tìm hiểu hành động, ngôn ngữ hài kịch** | | |
| **Nhân vật, lời thoại** | **Hành động** | **Tác động** |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

**Phiếu học tập 3a**

**Bảng 1. Xung đột liên quan đến hành vi (1) của phó may: Mua bít tất quá chật**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hành động và xung đột** | **Giữa ông Giuốc-Đanh và phó may** |
| **Các hành động làm nảy sinh xung đột (1)** |  |
| **Các hành động giải quyết xung đột (1)** |  |

**Phiếu học tập 3b**

**Bảng 2. Xung đột liên quan đến hành vi (2) của phó may: May hoa ngược**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hành động và xung đột** | **Giữa ông Giuốc-Đanh và phó may** |
| **Các hành động làm nảy sinh xung đột (2)** |  |
| **Các hành động giải quyết xung đột (2)** |  |

**Phiếu học tập 3c**

**Bảng 3. Xung đột liên quan đến hành vi (3) của phó may: Ăn bớt vải**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hành động và xung đột** | **Giữa ông Giuốc-Đanh và phó may** |
| **Các hành động làm nảy sinh xung đột (2)** |  |
| **Các hành động giải quyết xung đột (3)** |  |

**Văn bản 2 : CÁI CHÚC THƯ**

*(Gia tài -* Vũ Đình Long*)*

**I. MỤC TIÊU**

***1. Năng lực***

***1.1. Năng lực đặc thù***

Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch như: xung đột, hành động, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng.

Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

Hiểu mỗi người đọc có thể có cách tiếp nhận riêng đối với một VB văn học; biết tôn trọng và học hỏi cách tiếp nhận của người khác.

***1.2. Năng lực chung***

*- Năng lực tự chủ và tự học*: tự nghiên cứu bài ở nhà; tìm kiếm nguồn học liệu qua các kênh sách hoặc trên internet; hoàn thành các phiếu học tập được giao; tự đánh giá và đánh giá, tranh luận, phản biện qua các hoạt động nhóm.

*- Năng lực giao tiếp và hợp tác*: biết lựa chọn nội dung, ngôn từ và các phương tiện giao tiếp khác phù hợp với ngữ cảnh và đối tượng giao tiếp, phát triển khả năng làm việc nhóm.

*- Năng lực giải quyết vấn đề:* phối hợp, vận dụng những kinh nghiệm của bản thân, kiến thức, kĩ năng để giải quyết các tình huống trong học tập.

***2. Phẩm chất***

*- Yêu nước:* Yêu di sản văn hóa dân tộc qua các tác phẩm kinh điển xưa.

*- Chăm chỉ:* Chăm học, chăm làm, học hỏi những phương pháp mới để phát triển bản thân.

*- Trách nhiệm:* Có trách nhiệm với bản thân và cộng đồng, nâng cao ý thức trách nhiệm học tập phát triển bản thân và đóng góp cho xã hội.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

SGK, SGV

Máy tính, ti vi, điện thoại có kết nối internet, chiếu tranh ảnh, video liên quan đến bài học

Phiếu học tập. (lưu ý: tùy theo tình hình, gv có thể cung cấp phiếu học tập từ tiết trước cho hs phô tô hoặc cho hs kẻ sẵn vào trong vở).

*Phiếu học tập số 1:* Hướng dẫn đọc trải nghiệm

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu hỏi tưởng tượng, theo dõi.** | **Cách hiểu của em** | **Trao đổi với bạn** | **Nhận xét của giáo viên** |
| 1. Điều gì sẽ xảy ra với các nhân vật khi họ tham dự vào màn kịch làm chúc thư mạo danh này? |  |  |  |
| 2. Ở lớp kịch thứ III và thứ IV, khi sắp thực hiện mưu kế đã vạch sẵn, tâm trạng của Hy Lạc, Khiết, Lý có gì khác nhau? Vì sao có sự khác nhau ấy? |  |  |  |
| 3. Từng nhân vật: Hy Lạc, Khiết, Lý hiện ra trong màn kịch với nét tính cách như thế nào? |  |  |  |

*Phiếu học tập số 2:*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Biểu hiện cụ thể của hành động kịch trong văn bản | | | |
| **Nhân vật** | **Hành động kịch qua lời đối thoại** | **Hành động kịch qua lời độc thoại** | **Hành động kịch qua cử chỉ, hành vi** |
| Hy Lạc | ………………………………  ………………………………  ……………………………… | ……………………….  ……………………….  ………………………. | ………………………………….  ………………………………….  …………………………………. |
| Khiết | ………………………………  ………………………………  ……………………………… | ……………………….  ……………………….  ………………………. | ………………………………….  ………………………………….  …………………………………. |
| Lý | ………………………………  ………………………………  ……………………………… | ……………………….  ……………………….  ………………………. | ………………………………….  ………………………………….  …………………………………. |

*Phiếu học tập số 3:*

|  |  |
| --- | --- |
| Điểm tương đồng và khác biệt giữa Hy Lạc với Khiết, Lý | |
| **Hy Lạc** | **Khiết, Lý** |
| ………………………………………………………………………………………………………………….  …………………………………………………………………………………………………………………. | |
| …………………………………………………………  …………………………………………………………  …………………………………………………………  ………………………………………………………… | …………………………………………………….  …………………………………………………….  …………………………………………………….  ……………………………………………………. |
|  |  |

*Phiếu học tập số 4:*

|  |  |
| --- | --- |
| Điểm tương đồng và khác biệt về tính cách giữa Khiết với Lý | |
| **Khiết** | **Lý** |
| ………………………………………………………………………………………………………………….  …………………………………………………………………………………………………………………. | |
| …………………………………………………………  …………………………………………………………  …………………………………………………………  ………………………………………………………… | …………………………………………………….  …………………………………………………….  …………………………………………………….  ……………………………………………………. |
|  |  |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HĐ 1. Xác định vấn đề/chuẩn bị đọc** *(5 phút)*

**1. Mục tiêu**

Kết nối tri thức, dẫn dắt học sinh nhận biết mục tiêu văn bản.

Tạo hứng khởi cho học sinh trước khi vào bài mới

**2. Nội dung**

Kiểm tra năng lực nhận biết của học sinh về đặc điểm thể loại hài kịch qua công cụ trực tuyến plickers

Cho hs chia sẻ suy nghĩ về vấn đề liên quan đến bài học.

**3. Sản phẩm**

HS dùng thẻ plickers để trả lời các câu hỏi về kiến thức thể loại hài kịch

HS trao đổi ý kiến cá nhân về vấn đề được hỏi.

**4. Tổ chức thực hiện**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

**Nhiệm vụ 1**: GV kiểm tra kiến thức về thể loại Hài kịch qua công cụ Plickers trực tuyến. Các câu hỏi thiết kế như sau:

***1. Thể loại kịch dùng biện pháp gây cười để chế giễu các tính cách và hành động xấu xa, lố bịch, lỗi thời của con người là:***

*a. Bi kịch*

*b. Chính kịch*

*c. Hài kịch*

*d. Bi hài kịch.*

***2. Nhân vật của hài kịch gồm những hạng người như thế nào?***

*a. Hiện thân cho các thói hư tật xấu.*

*b. Những con người lương thiện, dũng cảm, anh hùng.*

*c. Những con người có lý tưởng sống cao đẹp.*

*d. Đại diện cho vẻ đẹp về tâm hồn của con người.*

***3. Hành động trong hài kịch là?***

*a. Hoạt động trải nghiệm sáng tạo.*

*b. Lời thoại, điệu bộ, cử chỉ*

*c. Các lời dẫn sân khấu.*

*d. Sự sắp xếp diễn biến kịch.*

***4. Mọi hành động lớn nhỏ trong kịch đều dẫn tới điều gì?***

*a. Lời thoại của các nhân vật*

*b. Thủ pháp trào phúng*

*c. Xung đột và giải quyết xung đột.*

*d. Ngoại hình của các nhân vật.*

***5. Tác phẩm nào dưới đây thuộc thể loại kịch?***

*a. Gió lạnh đầu mùa (Thạch Lam)*

*d. Gia tài (Vũ Đình Long)*

*c. Dòng sông đen (Jules Verne)*

*d. Bức thư của thủ lĩnh da đỏ (Chief Seattle)*

**Nhiệm vụ 2:** GV cho hs trao đổi, thảo luận và chia sẻ những hiểu biết của mình về chúc thư.

*? Các bản chúc thư thường có nội dung, mục đích thế nào và thường do ai lập? Điều gì bảo đảm cho một bản chúc thư có giá trị?*

**B2. Thực hiện nhiệm vụ**

HS suy nghĩ, thảo luận, trả lời các câu hỏi.

**B3. Báo cáo thảo luận**

Hs chia sẻ những hiểu biết của bản thân

**B4. Kết luận, nhận định**

Gv nhận xét câu trả lời của Hs và kết nối vào phần kiến thức mới.

**HĐ 2. Hình thành kiến thức mới** *(85 phút)*

|  |  |
| --- | --- |
| **I. ĐỌC TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN** | |
| **a. Mục tiêu:** Giúp HS  - Có nhận thức khái quát về văn bản.  **b. Nội dung**  Đọc phân vai, hóa thân thành nhân vật và trả lời câu hỏi dự đoán, suy luận  **c. Sản phẩm**  Trích đoạn kịch hoàn chỉnh do hs biểu diễn, câu trả lời của học sinh.  **b. Tổ chức thực hiện**  Gv sử dụng kĩ thuật “động não”.  *Thời lượng: 15 phút* | |
| **1. Đọc, trải nghiệm đóng vai** | |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV phân vai cho hs hóa thân vào nhân vật.  - Chuẩn bị: diễn viên: 6 bạn hs; đạo cụ: 1 ghế  - Các vai diễn: Hy Lạc, Khiết, Lý, Thận Trọng, 2 thư ký.  **B2. Thực hiện nhiêm vụ**  HS thực hiện theo yêu cầu đóng vai của giáo viên  **B3. Báo cáo thảo luận**  HS thực hiện biểu diễn trước lớp  **B4. Kết luận, nhận định**  GV nhận xét phần đóng vai của học sinh | Yêu cầu: Các nhân vật thể hiện giọng điệu và hành động giống với đặc trưng tính cách từng nhân vật. |
| **2. Dự đoán, suy luận** | |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu hs trả lời các câu hỏi dự đoán và suy luận trong bài.  - GV cho hs nhận xét và nêu cảm nhận chung của mình về từng nhân vật.  **B2. Thực hiện nhiêm vụ**  **Hs** thực hiện theo yêu cầu.  **B3. Báo cáo thảo luận**  HS chia sẻ trước lớp  **B4. Kết luận, nhận định**  Gv nhận xét phần chia sẻ của học sinh | 1. Điều gì sẽ xảy ra với các nhân vật khi họ tham dự vào màn kịch làm chúc thư mạo danh này?  *- Nếu thành công thì họ sẽ kiếm được lợi ích to lớn cho bản thân còn nếu thất bại thì họ sẽ bị mất tất cả và thậm chí là bị bỏ tù.*  2. Ở lớp kịch thứ III và thứ IV, khi sắp thực hiện mưu kế đã vạch sẵn, tâm trạng của Hy Lạc, Khiết, Lý có gì khác nhau? Vì sao có sự khác nhau ấy?  *- Hy Lạc mong chờ, thúc giục vì hy vọng vào lợi ích của bản thân*  *- Lý đồng tình và bình tĩnh với kế hoạch*  *Hy lạc và Lý không lo sợ vì tự tin vào kế hoạch và không phải là người trực tiếp đóng giả ông cụ Di Lung*  *- Khiết bồi hồi, lo sợ vì chính bản thân mình là người trực tiếp đóng giả ông cụ.*  3. Từng nhân vật: Hy Lạc, Khiết, Lý hiện ra trong màn kịch với nét tính cách như thế nào?  *- Hy Lạc: mưu mô, tính toán, trục lợi*  *- Lý: giả dối, vui mừng khi được hưởng lợi*  *- Khiết: Lật lọng, giảo hoạt, là kẻ cơ hội.* |

|  |  |
| --- | --- |
| **II. SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI** | |
| **1. Một số yếu tố của hài kịch qua văn bản** | |
| **a. Mục tiêu:** Giúp HS  - Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch như: xung đột, hành động, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng.  **b. Tổ chức thực hiện**  *Thời lượng: 10 phút* | |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV cho hs làm PHT số 2,3,4  ? Xung đột trong các lớp kịch này là gì?  ? Thủ pháp trào phúng đặc sắc trong văn bản  **B2. Thực hiện nhiêm vụ**  - HS thực hiện theo yêu cầu  **B3. Báo cáo thảo luận**  - Hs báo cáo  **B4. Kết luận, nhận định**  Gv nhận xét, kết luận, nhận định. | *- Nhân vật và hành động, lời thoại kịch:*  Các nhân vật vì muốn thừa hưởng gia tài mà vào hùa nhau làm điều phạm pháp, đóng giả cụ Di Lung lập chúc thư giả, giả mạo chữ kí. Các hành động thể hiện qua lời đối thoại, độc thoại, qua cử chỉ, hành vi của các nhân vật.  - *Xung đột kịch:* có thể xem đây là xung đột giữa “cái thấp kém” với “cái thấp kém”  - *Thủ pháp trào phúng:*  + Cách sắp xếp hành động, sự việc: hoán đổi vị thế hài hước, lố bịch. Người hầu được định đoạt, phán quyết về quyền lợi của người khác. Cậu chủ lại vào vai cháu phải vâng lời người hầu của mình.  + Cách dựng đối thoại: tạo lời thoại đứt đoạn của nhân vật Khiết trong vai cụ Di Lung nhằm tăng cường kịch tính.  + Tạo sự mâu thuẫn hay thống nhất giữa lời đối thoại và độc thoại để thể hiện cái thấp kém trong nhân vật. |
| ***Dự kiến sản phẩm PHT***  *Phiếu học tập số 2:*   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Biểu hiện cụ thể của hành động kịch trong văn bản | | | | | **Nhân vật** | **Hành động kịch qua lời đối thoại** | **Hành động kịch qua lời độc thoại** | **Hành động kịch qua cử chỉ, hành vi** | | Hy Lạc | Anh đừng sợ, phải quyết tâm mới được. (nói với Khiết)  … | *(nói riêng)* Hai trăm ngàn đồng! Thằng vô lại nó láo quá!  … | (**cũng vờ như Lý**) Bác để gia tài cho cháu, không bằng là bác cứ sống mãi với cháu  … | | Khiết | Cậu nói đúng. Thôi thì tôi cũng liểu (Nói với Hy Lạc)  … |  | *(****cởi áo****)* Phải nhanh lên mới được  … | | Lý | Anh mặc thêm cái áo măng tô này. Những khi yếu mệt, ông cụ vẫn hay mặc áo ấy. (nói với Khiết)  … | *(nói riêng)* Cảm tạ Trời Phật. … | *(****vất gói quần áo xuống****)* Đây áo, quần, mũ trùm đầu của ông cụ Di Lung đấy.  … |   *Phiếu học tập số 3:*   |  |  | | --- | --- | | Điểm tương đồng và khác biệt giữa Hy Lạc với Khiết, Lý | | | **Hy Lạc** | **Khiết, Lý** | | Hy Lạc, Khiết, Lý đều **nóng lòng** trông chờ vào việc hưởng lợi từ cái chúc thư mà cụ Di Lung sắp lập; đều **lo lắng** mình không được thừa kế hoặc không được chia chác quyền lợi. Hy Lạc, Khiết, Lý đều là những kẻ **liều lĩnh** thực hiện âm mưu làm chúc thư giả khi cụ Di Lung sắp “chầu trời”. Hy Lạc, Khiết, Lý **vừa thống nhất vừa có mâu thuẫn, xung đột về quyền lợi** | | | Là cháu trai, có cơ hội được hưởng gia tài nhiều hơn, thậm chí sẽ là người toàn phần, duy nhất; Tuy là “cậu chủ” nhưng đành phải cậy nhờ đến hai người giúp việc, nhất là Khiết; trong màn kịch lập chúc thư giả, Hy Lạc đành ở vào vị thế yếu, bị Khiết giả vai cụ Di Lung. | Là những người hầu/ giúp việc, chỉ có thể được chia phần, hưởng lợi nếu Hy Lạc chính thức là người thừa kế gia tài của Di Lung; Vì lòng tham, dám liều lĩnh thực hiện trò giả dối, phạm pháp, lưu manh (Khiết bị Hy Lạc gọi là thằng bợm, đồ đểu cáng,…). | |  |  |   *Phiếu học tập số 4:*   |  |  | | --- | --- | | Điểm tương đồng và khác biệt về tính cách giữa Khiết với Lý | | | **Khiết** | **Lý** | | Đều là người hầu/ giúp việc, chỉ có thể được chia phần, hưởng lợi nếu Hy Lạc chính thức là người thừa kế gia tài của Di Lung; | | | Là người hầu trai của Hy Lạc, tham gia màn kịch lập chúc thư giả trong vai trò đồng chủ mưu; Liều lĩnh, đểu cáng khi dám vượt quyền Hy Lạc, tận dụng vị thế vai kịch, thu vén lợi ích cho bản thân và Lý, cô vợ tương lai của hắn (Khiết bị Hy Lạc gọi là “thằng bợm”, đồ “đểu cáng”, đồ “du đãng”, “thằng phản bội”,…) | Là hầu gái của cụ Di Lung, lợi ích của Lý gắn liền với lợi ích của Khiết và Hy Lạc; Tuy có chút tình cảm chân thành nhưng vì những gì được hưởng, sẵn sàng làm kẻ phụ hoạ đắc lực cho mưu đồ lập chúc thư giả; | |  |  | | |
| **2. Thông điệp của văn bản** | |
| **a. Mục tiêu:**  - Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.  **b. Tổ chức thực hiện**  GV sử dụng phiếu học tập, kĩ thuật động não, thảo luận nhóm  *Thời lượng: 15 phút* | |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  ? Thông điệp của văn bản là gì?  **B2. Thực hiện nhiêm vụ**  - Hs thực hiện nhóm  **B3. Báo cáo thảo luận**  Hs chia sẻ sản phẩm của mình, nhận xét câu trả lời của nhóm bạn  **B4. Kết luận, nhận định**  - Gv nhận xét phần chia sẻ câu trả lời của học sinh và chốt kiến thức lên màn hình. | Vì quyền lợi vật chất (như thừa kế gia tài, chia chác lợi tức,…), Những kẻ tham lam, hám lợi có thể hành động liều lĩnh, bất chấp pháp luật và đạo lí. Sẵn sàng cấu kết với nhau thực hiện mưu đồ bất chính, nhưng vì tranh đoạt quyền lợi, khi cần, họ có thể “phản bội” nhau. |
| **III. LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG** | |
| 1. **Mục tiêu**   HS hiểu mỗi người đọc có thể có cách tiếp nhận riêng đối với một văn bản văn học; biết tôn trọng và học hỏi cách tiếp nhận của người khác.  Nhận biết, phân tích, đánh giá được về vai trò của nhân vật/ chi tiết nghệ thuật (yếu tố *nhân vật/ chi tiết* trong tính chỉnh thể của tác phẩm; xem ma trận).  **b. Tổ chức thực hiện**  *Thời lượng: 5 phút*  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  ? Suy nghĩ của em về ý kiến: *Nhân vật cụ Di Lung tuy không xuất hiện nhưng thực ra vẫn luôn luôn có mặt trong các lớp kịch III, IV, V, VI.*  ? Suy nghĩ của em về ý kiến: *Cái chúc thư* cũng là một nhân vật văn học có nhiều ý nghĩa.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Hs thực hiện cá nhân  **B3. Báo cáo thảo luận:**  Hs trả lời  **B4. Kết luận, nhận định:** Gv nhận xét, đánh giá.GV Giới thiệu thêm về thể loại hài kịch và một số tác phẩm tiêu biểu  **Với ý kiến cho rằng: *Nhân vật cụ Di Lung tuy không xuất hiện nhưng thực ra vẫn luôn luôn có mặt trong các lớp kịch III, IV, V, VI.*** HS có thể bày tỏ sự đồng tình bởi một số lí do, chẳng hạn: – Gia tài là của cụ Di Lung và cái chúc thư dù thật dù giả đều gắn liền với nhân vật cụ Di Lung, nên dù vắng mặt, cụ Di Lung vẫn luôn hiện hữu trong lời nói, ý nghĩ, hành động của các nhân vật Hy Lạc, Khiết, Lý; – Văn bản là một màn kịch, cụ Di Lung “giả” xuất hiện đầy quyền uy (do nhân vật Khiết người hầu trai của Hy Lạc giả danh) mang hình bóng của cụ Di Lung “thật”. Điều này gây cảm giác cụ Di Lung vẫn luôn hiện hữu. HS cũng có thể bày tỏ sự không đồng tình với ý kiến trên, bởi lí do, chẳng hạn:  Không nên đồng nhất sự hiện hữu thật sự của nhân vật với ảo ảnh, hình bóng của nhân vật ấy.  **Với ý kiến cho rằng: *Cái chúc thư* cũng là một nhân vật văn học có nhiều ý nghĩa.**  HS có thể bày tỏ sự đồng tình với ý kiến trên với lập luận, chẳng hạn: Nhân vật trong tác phẩm văn học không phải chỉ có con người; trong nhiều trường hợp, thần thánh, ma quỷ, con vật, đồ vật cũng có thể được xây dựng như một hình tượng nhân vật nhân hoá, mang nghĩa biểu tượng.  Trong văn bản *Cái chúc thư*, “cái chúc thư” có thể xem là một hình tượng nhân vật mang nghĩa biểu tượng, tạo tính mập mờ hài hước giữa thật và giả, giữa hợp pháp và bất hợp pháp, giữa việc tự nguyện cho thừa kế và việc giả danh để chiếm quyền thừa kế,…  HS cũng có thể bày tỏ sự không đồng tình ý kiến trên, với lập luận, chẳng hạn:  *Cái chúc thư* là văn bản kịch, nhân vật kịch khác nhân vật truyện ở chỗ phải có hành động và được thể hiện qua hành động (lời thoại, hành vi, cử chỉ,…), tương tác với nhân vật khác, góp phần làm nảy sinh xung đột hay giải quyết xung đột. “Cái chúc thư” có thể xem là một hình ảnh biểu tượng, nhưng không thể/ không nên xem là nhân vật kịch vì nó không có hành động. | |

**Những vấn đề cần lưu ý sau bài dạy**

🙛🟒🟒🟔🕮🟔🟒🟒🙙

**Văn bản (3) - Đọc kết nối chủ điểm:**

**LOẠI VI TRÙNG QUÝ HIẾM (A-zit Nê-xin)**



**I. MỤC TIÊU:**

**1. Về năng lực:**

***1.1. Năng lực đặc thù:***

- Nhận biết được một số thông tin chính của văn bản.

- Liên hệ, kết nối với văn bản: *Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục, Cái chúc thư* để hiểu hơn về chủ điểm *Những tình huống khôi hài*.

***1.2. Năng lực chung:***

- Giao tiếp và hợp tác: Biết thảo luận nhóm và hợp tác để có giải pháp thống nhất.

- Tự chủ và tự học.

**2. Về phẩm chất:** Ý thức được sự bình đẳng, dân chủ, có thái độ phê phán cái xấu, trân trọng tiếng cười trong cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

**1. Thiết bị:**

- SHS, SGV

- Một số tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu, máy tính, bảng, phấn, giấy A4, giấy note, phiếu học tập.

- Bảng kiểm đánh giá hoạt động nhóm:

**BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CHUNG CỦA NHÓM …**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung** | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| 1 | Sản phẩm đúng |  |  |
| 2 | Thái độ làm việc nhóm |  |  |
| 3 | Báo cáo sản phẩm trước lớp |  |  |
| 4 | Phản biện với nhóm khác |  |  |
| 5 | Số thứ tự nộp sản phẩm |  |  |
| 6 | Đảm bảo thời gian |  |  |
| 7 | Điểm cộng |  | |
| 8 | Điểm trừ |  | |

**2. Học liệu:**

Văn bản:*Loại vi trùng quý hiếm*

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú, tâm thế cho học sinh; tạo tình huống/vấn đề học tập nhằm huy động kiến thức, kinh nghiệm hiện có của học sinh và nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới liên quan đến tình huống/vấn đề học tập.

**b. Nội dung:** GV cho HS xem video và phân tích

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| Tổ chức thực hiện | Sản phẩm dự kiến |
| \* Hình thức: cá nhân  \* Kỹ thuật: phân tích video  ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ***  **-** GV cho HS xem đoạn video:  <https://www.youtube.com/shorts/L4z4YM7oAw8>  - Yêu cầu HS sau khi xem video trả lời câu hỏi: Tìm các yếu tố gây cười trong video trên.  ***B2: Thực hiện nhiệm vụ***  HS xem, suy nghĩ, ghi câu trả lời vào giấy note  ***B3: Báo cáo, thảo luận***  Cá nhân HS trả lời câu hỏi của GV  ***B4: Kết luận, nhận định:***  Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới. |  |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**I. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS

*-* Vận dụng các kĩ năng đọc đã học ở những bài trước như dự đoán, suy luận trong quá trình đọc trực tiếp văn bản.

- Chia sẻ được kết quả thực hiện ở nhà của nội dung *Trải nghiệm cùng văn bản*.

**b. Nội dung:** GV tổ chức cho HS đọc và chia sẻ

**c. Sản phẩm:**Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| Tổ chức thực hiện | Sản phẩm dự kiến |
| \* Hình thức: cá nhân  \* Kỹ thuật: nói to suy nghĩ  ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ***  GV yêu cầu HS:  - NV1: 1-2 HS đọc thành tiếng toàn văn bản hoặc một số đoạn trong văn bản.  - NV2: Đọc tên văn bản và quan sát nhanh toàn bộ văn bản, hình ảnh minh họa SGK tr.112,113,114, trả lời câu hỏi: Em hãy đoán xem văn bản này viết về nội dung gì?  ***B2: Thực hiện nhiệm vụ***  Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ  ***B3: Báo cáo, thảo luận***  1-2 HS đọc văn bản và trả lời câu hỏi.  ***B4: Kết luận, nhận định***  GV góp ý cho câu trả lời của HS, khuyến khích HS đưa ra nhiều câu trả lời khác nhau miễn là việc dự đoán dựa trên sự kết hợp giữa cứ liệu của văn bản với kiến thức nền của HS. | - Đọc.  - Trả lời câu hỏi trải nghiệm cùng văn bản. |

**II. SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI:**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS

*-* Nhận biết được một số nội dung chính của văn bản.

- Liên hệ, kết nối với hai văn bản trước để hiểu hơn về chủ điểm *Những tình huống khôi hài.*

- Có thái độ phê phán cái xấu, trân trọng tiếng cười trong cuộc sống.

**b. Nội dung:** GV tổ chức các hoạt động nhóm/cá nhân theo yêu cầu của mục tiêu.

**c. Sản phẩm:**Nội dung của văn bản, câu trả lời cho các câu hỏi 1,2,3 SGK tr.115.

**d.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| Tổ chức thực hiện | Sản phẩm dự kiến |
| \* Hình thức: nhóm (6-8HS)  \* Kỹ thuật: trạm – mảnh ghép  ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ***  ***- Vòng chuyên gia:*** GV chia HS thành 6 nhóm, phân nhiệm vụ:  + N1,4:  (1) Xác định các nhân vật có trong truyện.  (2) Các nhân vật ấy hiện thân cho hạng người nào? Người kể chuyện có thái độ với các nhân vật này như thế nào? Dựa vào đâu để khẳng định như vậy?  + N2,5: Theo em, những yếu tố góp phần tạo ra tiếng cười trong văn bản này là gì (Gợi ý: nhận xét về hình tượng nhân vật, tình huống các thủ pháp, ngôn ngữ trào phúng thể hiện như thế nào?,…)?  + N3,6: Nhận xét về cách đặt nhan đề cho văn bản và cách sử dụng cụm từ “loại vi trùng quý hiếm” trong văn bản.  ***- Vòng mảnh ghép:*** sau 3p, khi nhóm chuyên gia hoạt động trả lời câu hỏi xong, GV cho HS trong nhóm chuyên gia đếm số và hình thành nhóm ghép, yêu cầu các chuyên gia ở nhóm ghép thực hiện nhiệm vụ của mình.  ***B2: Thực hiện nhiệm vụ***  Nhóm ghép thực hiện nhiệm vụ  ***B3: Báo cáo, thảo luận***  Đại diện ngẫu nhiên các nhóm trả lời lần lượt các câu hỏi. Các nhóm khác bổ sung, trao đổi (nếu có) theo từng câu hỏi.  ***B4: Kết luận, nhận định***  - GV góp ý cho câu trả lời của nhóm HS, hướng dẫn HS kết luận theo định hướng ở nội dung cần đạt, kết nối chủ đề.  - Yêu cầu nhóm trưởng và thư kí đánh giá hoạt động nhóm theo bảng kiểm. | **1. Các nhân vật và thái độ của tác giả đối với các nhân vật:**  Nhân vật ông giáo sư và các cộng sự của ông ta hiện thân cho hạng người tự cao, tự mãn, cho rằng mình xuất chúng, giỏi giang, mừng rỡ khi phát hiện ra loại vi trùng quý hiếm mà không quan tâm đến sức khỏe, tính mạng của bệnh nhân.  **→ Người kể chuyện có thái độ phê phán, châm biếm các nhân vật này qua lời văn, cuộc đối thoại giữa các nhân vật.**  **2. Các yếu tố góp phần tạo ra tiếng cười trong truyện:**  - Tình huống trào phúng:  + Nhan đề  + Cụm từ, thuật ngữ quan trọng trong lời nói, ý nghĩ và toàn bộ cách ứng xử của ông giáo sư bác sĩ.  - Hình tượng nhân vật: được vẽ theo lối biếm họa, phóng đại theo một số nét hành vi, lời nói khác thường.  - Ngôn ngữ trào phúng: thủ pháp nói ngược (tài năng, khả kính) để tăng sự chua chát, mặn mà của tiếng cười trào phúng.  **3. Ý nghĩa nhan đề:**  Cách đặt nhan đề cho văn bản và cách sử dụng cụm từ “Loại vi trùng quý hiếm” trong văn bản hoàn toàn nhằm mục đích châm biếm chứ không phải ca ngợi phát minh vĩ đại. Đã là vi trùng gây đau mắt và có thể gây mất thị giác cho người bệnh thì nó là vi trùng có hại. Điều này hoàn toàn là châm biếm vị giáo sư tự mãn này. Việc phát hiện ra con vi trùng khiến ông vui mừng đến nỗi không để tâm việc chữa trị cho bệnh nhân trong khi trọng trách lớn nhất của người bác sĩ là cứu người, những điều nên là thì bác sĩ lại quên. Khi bệnh nhân đã bị mù thì ông ta lại tươi cười rạng rỡ khẳng định mình đã nói đúng về con vi trùng. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS

Củng cố phần tri thức của hài kịch

**b. Nội dung:** GV tổ chức cho HS chơi trò chơi để củng cố kiến thức và kết nối chủ đề.

**c. Sản phẩm:**Nội dung trò chơi của HS.

**d.Tổ chức thực hiện:**

\* Hình thức: nhóm (6-8HS)

\* Kỹ thuật: trò chơi

***B1: Chuyển giao nhiệm vụ***

- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Tập làm Sherlock Homes”, yêu cầu HS tìm các yếu tố của hài kịch bằng cách gạch chân bằng bút bi/bút dạ vào từ đúng, mỗi đáp án đúng được 0,25đ

- Yêu cầu HS: Hết thời gian, các nhóm đổi kết quả và chấm chéo: 1→2→3→4→5→6→1

***B2: Thực hiện nhiệm vụ***

Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ.

***B3: Báo cáo, thảo luận***

HS đổi kết quả và chấm chéo, công bố đáp án

***B4: Kết luận, nhận định***

- GV trình chiếu đáp án đúng, các nhóm HS theo dõi và chấm chéo.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| A | N | H | H | A | I | K | I | C | H | M | O | L | I | E | D | I | G | H |
| T | R | I | N | N | O | N | G | G | I | U | O | C | D | A | N | H | D | G |
| L | O | I | C | H | I | D | A | N | S | A | N | K | H | A | U | B | O | P |
| M | Y | T | Y | A | N | K | C | H | X | A | B | C | D | E | G | N | H | I |
| N | N | H | N | N | M | I | A | T | U | V | B | P | I | K | O | H | I | N |
| H | G | O | G | V | B | Y | E | R | N | B | N | L | H | L | P | U | I | S |
| G | H | N | H | A | G | U | R | B | G | G | M | S | G | M | K | L | E | U |
| D | I | G | I | T | H | N | B | D | D | D | K | D | E | N | R | O | R | N |
| S | A | D | A | H | A | N | H | D | O | N | G | H | A | I | K | I | C | H |
| A | T | I | T | A | B | M | A | O | T | I | L | V | I | C | X | P | D | G |
| T | I | E | A | I | C | G | I | K | K | N | N | U | A | Q | R | A | O | I |
| U | E | P | R | K | D | T | L | O | I | T | H | O | A | I | H | Q | A | U |
| A | N | H | K | I | A | L | A | M | C | A | I | C | H | U | C | T | H | U |
| T | G | A | H | C | E | X | H | I | H | T | O | T | N | A | M | T | A | O |
| C | C | A | T | H | U | P | H | A | P | T | R | A | O | P | H | U | N | G |
| C | U | N | G | H | K | L | M | A | Q | C | B | N | X | A | Q | T | R | H |

- GV ghi điểm nhóm, chốt kiến thức và kết nối chủ đề.

--------- 🙢 🕮🕮🕮 🙠 ---------

**Thực hành tiếng Việt: TRỢ TỪ, THÁN TỪ**

**I. Mục tiêu**

**1. Về kiến thức:**

- Đặc điểm và chức năng của trợ từ, thán từ.

**2. Về năng lực:**

***2.1. Năng lực đặc thù***

- Nhận biết và phân tích được đặc điểm và chức năng của trợ từ, thán từ.

***2.2. Năng lực chung***

- Giao tiếp và hợp tác: kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.

- Tự chủ và tự học.

**3. Về phẩm chất**

- Luôn Yêu, trân trọng sự giàu đẹp của TV.

- Tự học: khám phá nội dung SGK - liên hệ - trao đổi tìm kiếm sự giúp đỡ.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- Máy tính, máy chiếu

- Phiếu học tập

- Tranh ảnh, video có liên quan đến nội dung tiết học

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề**

a) Mục tiêu

b) Nội dung

c) Sản phẩm

d) Tổ chức thực hiện

- Cho HS nghe bài hát “Quê hương” của Giáp Văn Thạch.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **A. Tri thức tiếng Việt** | |
| **Mục tiêu: Giúp HS**  - Nắm vững tri thức về trợ từ, thán từ  - Xác định được các loại trợ từ, thán từ.  - Phân biệt được sự khác nhau giữa trợ từ và thán từ.  - Tìm được trợ từ, thán từ trong các ví dụ mà GV đưa ra.  **Nội dung:** GV sử dụng KT vấn đáp để hỏi phần tri thức tiếng Việt | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Yêu cầu 1:  GV chia cả lớp thành 4 nhóm, phát phiếu học tập cho 4 nhóm với các yêu cầu:  Nhóm 1: Hãy phân tích sự khác nhau trong những ví dụ sau:   1. Nó có hai cây bút. 2. Nó có những hai cây bút. 3. Nó chỉ có hai cây bút.   Nhóm 2: các từ “ chính” “ ngay cả” biểu thị điều gì?  a. Chính bài kiểm tra điểm thấp đã làm nó buồn.  b. Ngay cả tôi cũng không biết sự việc này.  Nhóm 3: các từ “ này” “ ui” biểu thị điều gì?  **- Ôi**! Tớ được điểm 10 môn Anh văn luôn nè!  - **Ui!** Cậu giỏi quá!  Nhóm 4: các từ “nè” “ừ” biểu thị điều gì?  **- Nè**! Cậu thấy điểm môn Sử làm cho kết quả HK này tăng lên không?  - **Ừ**! Tớ cũng nghĩ như vậy  Yêu cầu 2: Dựa vào các ví dụ vừa mới phan tích và kết hợp với kiến thức ở phần Tri thức tiếng Việt trong SGK, em hãy cho biết:  - Nhóm 3: Thế nào là trợ từ? Có mấy loại trợ từ?  - Nhóm 4: Thế nào là thán từ? Có mấy loại thán từ?  Yêu cầu 3: Hs làm BT nhanh về trợ từ, thán từ  **Bài tập nhanh: Trong các câu sau đây, từ nào (trong các từ in đậm) là trợ từ, từ nào không phải là trợ từ ?**  a) Chính tôi đã vẽ bức tranh này.  b) Ông Giuốc-đanh là nhân vật chính của vở kịch “Trưởng giả học làm sang”.  c) Ngay cả Tuấn cũng không được điểm cao.  d) Bạn phải nói ngay điều này cho cô giáo biết.  e) Tôi nhớ mãi những kỉ niệm của năm học lớp 6.  g) Tớ nhắc bạn những ba bốn lần mà bạn vẫn quên.  Bài tập nhanh: Tìm thán từ trong những ví dụ sau:  *Ôi những cánh đồng quê chảy máu*  *Dây thép gai đâm nát trời chiều...*  *(“Đất nước” – Nguyễn Đình Thi)*  *b)*  *Đẹp vô cùng Tổ quốc ta ơi*  *Rừng cọ, đồi chè, đồng xanh ngào ngạt*  *(“Ta đi tới” – Tố Hữu)*  *c)*  *Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng*  *Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt*  *Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật*  *- Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu!*  *(“Nhớ rừng” – Thế Lữ)*   * ***Trợ từ, thán từ là gì? Có những loại trợ từ, thán từ nào?***   Yêu cầu 4: Hs ***Thảo luận:*** *S*o sánh sự khác nhau giữa trợ từ và thán từ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  Yêu cầu 1: HS trả lời các câu hỏi vào PHT  Yêu cầu 2: HS dựa vào phần Tri thức Tiếng Việt trong SGK, dựa vào PHT số 1 đã chuẩn bị ở nhà để chuẩn bị nội dung trả lời.  Yêu cầu 3: Hs làm BT nhanh về trợ từ, thán từ  Yêu cầu 4: Hs so sánh sự khác nhau giữa trợ từ và thán từ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**: Gọi đại diện HS trả lời  **HS**:  - Đại diện trả lời câu hỏi  - Các HS còn lại quan sát, lắng nghe, nhận xét và bổ sung cho câu trả lời của bạn (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét câu trả lời của HS  - Chốt kiến thức và chuyển sang phần thực hành bài tập. | **I. TRỢ TỪ**  - Trợ từ là những từ chuyên đi kèm 1 từ ngữ trong câu để nhấn mạnh hoặc biểu thị thái độ đánh giá sự vật, sự việc được nói đến ở từ ngữ đó.  - Có 2 loại thán từ: trợ từ nhấn mạnh, trợ từ tình thái.  **II. THÁN TỪ:**  - Thán từ là những từ dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc của người nói hoặc dùng để gọi đáp. Thán từ đứng ở đầu câu, có khi được tách ra thành một câu đặc biệt.  - Có 2 loại thán từ: Thán từ bộc lộ tình cảm cảm xúc , thán từ gọi đáp  **III. PHÂN BIỆT TRỢ TỪ VÀ THÁN TỪ**  **Trợ từ:**  *Không tách riêng ra thành 1 câu, phải đi kèm với từ khác.*  *Nhấn mạnh/ biểu thị thái độ đánh giá sự vật, sự việc.*  **Thán từ:** *Có thể được tách ra thành một câu đặc biệt.*  *Bộc lộ tình cảm, cảm xúc, gọi đáp.* |

|  |  |
| --- | --- |
| **B. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT** | |
| **Mục tiêu: Giúp HS**  **-** Ôn lại tri thức về trợ từ, thán từ.  - Làm các bài tập về trợ từ, thán từ được đưa vào trong phần Thực hành Tiếng Việt.  - Tìm được trợ từ , thán từ trong các bài hát mà GV đưa ra.  **Nội dung** | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **Bước 1:** Chuyển giao nhiệm vụ (GV)  GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu các nhóm làm 6 bài tập trong SGK với nhiệm vụ cụ thể như sau:  Nhóm 1: làm BT 1,2  Nhóm 2: Làm BT 3,4  Nhóm 3: Làm BT 5  Nhóm 4: làm BT 6  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS làm BT theo sự phân công của GV  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**: Gọi đại diện HS trả lời  **HS**:  - Đại diện trả lời câu hỏi  - Các HS còn lại quan sát, lắng nghe, nhận xét và bổ sung cho câu trả lời của bạn (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét câu trả lời của HS  - Chốt phương án đúng của các bài tập và chuyển sang chốt lại kiến thức. | Bài tập 1: Xác định trợ từ và thán từ dược sử dụng trong các lời thoại sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Câu | Trợ từ | Thán từ | | a | à | a | | b | chứ, cả | Vâng | | c | ạ, đâu |  |   Bài tập 2: Tìm thán từ trong các câu sau, giãi thích nghĩa và nêu chức năng của chúng:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Câu | Thán từ | Nghĩa và chức năng | | a | - ớ  - này  - Ớ này! Vào đây, các chú. | ớ: (khẩu ngữ) từ gọi dùng để gọi người ở xa, thường là không quen.  này: từ thốt ra như để gọi người đối thoại, bảo hãy chú ý.  Chức năng: gọi đáp. | | b | - ồ  – “Cụ lớn”, ồ, ồ, cụ lớn! | ồ: từ thốt ra biểu lộ cảm xúc ngạc nhiên, bất ngờ.  Chức năng: bộc lộ tình cảm, cảm xúc. | | **c** | - ô kìa  – Ô kìa, bác phó! Vải này là thứ hàng tôi đưa bác may bộ lễ phục trước của tôi đây mà. Tôi nhận ra đúng nó rồi. | ô kìa: từ thốt ra biểu lộ sự ngạc nhiên cao độ.  Chức năng: bộc lộ tình cảm, cảm xúc. |   Bài tập 3: Trong các cặp câu a1-a2,; b1-b2 dưới dây, những từ in dậm nào là trợ từ? Căn cứ vào dâu dê em khăng định như vậy?   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Câu | Trợ từ | Đặc điểm | | a | mất  Tôi đau đớn quá! Tôi chết mất thôi. | **Từ biểu thị ý nhấn mạnh về mức độ của một tình cảm mà mình cảm thấy không sao kìm được (sự đau đớn).** | | b | **kia**  **Cái tội giả mạo chữ kí là một trọng tội, tôi run lắm kia, cậu ạ.** | **Từ biểu thị ý nhấn mạnh cho người đối thoại chú ý đến điều vừa được nói đến, ý như muốn bảo rằng: như thế đấy, chứ không phải khác đâu.** |   Bài tập 4: Các câu sau sử dụng những trợ từ nào? Hày giải thích nghĩa và nêu chức năng của chúng.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Câu | Trợ từ | Đặc điểm và chức năng | | a | ư  Một tên đầy tớ mà bác cho nhiều đến thế ư? | ư: từ biểu thị ý hỏi, biểu thị thái độ ngạc nhiên trước điều mình có phần không ngờ tới.  Chức năng: tạo kiểu câu nghi vấn, thể hiện thái độ của người nói.  Đây là trợ từ tình thái. | | b | à  Bệnh nhân mới à? Anh ta làm sao? | à: từ biểu thị ý hỏi để rõ thêm về điều mình có phần ngạc nhiên.  Chức năng: tạo kiểu câu nghi vấn, thể hiện thái độ của người nói.  Đây là trợ từ tình thái. | | c | ạ  Bẩm, đúng ạ! | **ạ**: từ biểu thị ý kính trọng khi nói chuyện với những người ở có vị trí, tuổi tác, thứ bậc,… cao hơn mình.  Chức năng: tạo kiểu câu cảm thán, thể hiện thái độ kính trọng của người nói.  Đây là trợ từ tình thái. | | d | đến  Ngài và đoàn tuỳ tùng của ngài làm việc đến quên ăn quên ngủ để duy trì sự sống cho nó. | đến: từ biểu thị ý nhấn mạnh về tính chất bất thường của một hiện tượng để làm nổi bật mức độ cao của một việc nào đó.  Chức năng: đứng trước các từ ngữ cần được nhấn mạnh, nhấn mạnh mức độ làm việc (đến quên ăn quên ngủ) của “ngài và đoàn tuỳ tùng”.  Đây là trợ từ nhấn mạnh. |   Bài tập 5: Đặt hai câu có sử dụng thán từ và hai câu có sử dụng trợ từ.   * Chao ôi, bông hoa mới đẹp làm sao!   🡪 Trời đất ơi, sao tôi khổ thế này!   * Chính nó đã làm gãy cái ghế. * Chỉ có chăm học mới làm cho trí thông minh được toả sáng.   Bài tập 6: Diễn phân vai 2 VB “Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục”, “Cái chúc thư” và chỉ ra trợ từ, thán từ ở trong dó. |

**HOẠT ĐỘNG 3: Vận dụng**

a) Mục tiêu:

b) Nội dung:

c) Sản phẩm:

d) Tổ chức thực hiện:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) : Gv tổ chức các hoạt động để khắc sâu kiến thức về trợ từ, thán từ:**

* **Nghe nhạc tìm trợ từ, thán từ**
* Vẽ sơ đồ tư duy
* Tham gia trò chơi “Khỉ con tranh tài”
* Làm BT trắc nghiệm

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS làm theo yêu cầu của GV

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

HS trả lời câu hỏi, tham gia trò chơi, vẽ sơ đồ, làm BT trắc nghiệm.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

**Nghe nhạc tìm trợ từ, thán từ**

Bài hát “ Chỉ có một trên đời” (Riêng mặt trời chỉ có một mà thôi.... trên đời): RIÊNG, CHỈ CÓ...

Bài hát “Người thầy” (Dẫu đếm hết sao trời... làm sao em đếm hết công ơn người thầy): DẪU, LÀM SAO....

Bài hát “Những điều thầy chưa kể” (Bao nhiêu là bụi phấn, sao không kể thầy ơi...): BAO NHIÊU, SAO....

Bài hát “Nhật ký của mẹ” (Này con yêu ơi... cha đang khóc vì con): NÀY...

Bài hát “Một đời người một rừng cây” (Ai cũng chọn việc nhẹ nhàng... Phải ko em): CŨNG....

**1. Vẽ sơ đồ tư duy về trợ từ, thán từ.**

**2. Tham gia trò chơi “Khỉ con tranh tài” để củng cố kiến thức về trợ từ, thán từ.**

a. Giải thích nghĩa của trợ từ in đậm trong câu sau“Mặc dầu non 1 năm ròng mẹ tôi không gửi cho tôi lấy một lá thư nhắn người thăm tôi lấy một lời và gửi cho tôi lấy một đồng quà.”

⇨ Trợ từ lấy có ý nghĩa nhấn mạnh sự việc

b. Giải thích nghĩa của trợ từ in đậm trong câu sau “Hai đứa mê nhau lắm. Bố mẹ đứa con gái biết vậy, nên cũng bằng lòng gả. Nhưng họ thách nặng quá: nguyên tiền mặt phải một trăm đồng bạc, lại còn cau, còn rượu…cả cưới nữa thì mất đến cứng hai trăm bạc.”

🢧 nguyên: Chỉ có đến như thế, không có thêm gì khác (Chỉ tính tiền thách cưới đã quá nặng.)

🢣 đến: Ý nhấn mạnh mức độ cao 🡪 Ngạc nhiên

c. Thán từ in đậm trong câu sau đây bộc lộ cảm xúc gì:“Lũ chuột bò lên chạn, leo lên bác Nồi Đồng. Năm sáu thằng xúm lại húc mõm vào, cố mãi mới lật được cái vung nồi ra. “Ha ha! Cơm nguội! Lại có một bát cá kho! Cá rô kho khế: vừa dừ vừa thơm. Chít chít, anh em ơi, lại đánh chén đi thôi!”.

🡺 Ha ha: bộc lộ sự sảng khoái, sung sướng trước những phát hiện thú vị

d. Giải thích nghĩa của trợ từ in đậm trong câu sau “Tính ra cậu Vàng cậu ấy ăn khỏe hơn cả tôi, ông giáo ạ!”

⇨ Cả: Có ý nhấn mạnh về mức độ cao, phạm vi không hạn chế

e. Giải thích nghĩa của trợ từ in đậm trong câu sau“Rồi cứ mỗi năm rằm tháng tám / Tựa nhau trông xuống thế gian cười”

⇨ Cứ: Biểu thị ý khẳng định về hoạt đông, trạng thái nhất định như thể bất chấp mọi điều kiện. Nhấn mạnh 1 việc lặp đi lặp lại

f. Các thán từ in đậm trong những câu sau đây bộc lộ cảm xúc gì: “Bác Nồi Đồng run như cầy sấy: “Bùng boong. Ái ái! Lạy các cậu, các ông, ăn thì ăn, nhưng đừng đánh đổ tôi xuống đất. Cái chạn cao thế này, tôi ngã xuống không vỡ cũng bẹp, chết mất!”.

🡺 Ái ái: tiếng thốt lên khi bị đau đột ngột (sự sợ hãi)

g. Thán từ in đậm trong câu sau đây bộc lộ cảm xúc gì: “Chao ôi! Đối với những người ở quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi,… toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn; không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương; không bao giờ ta thương….”

🡪 Chao ôi: Than thở vì bất lực.

**3. Trong những từ in đậm ở các câu sau, từ nào không phải là trợ từ?**

A. Cảnh vật chung quanh tôi đều thay đổi, vì **chính** lòng tôi đang có sự thay đổi lớn: hôm nay tôi đi học.

B. **Chính** lúc này toàn thân các cậu cũng đang run run theo nhịp bước rộn ràng trong các lớp.

C. Xe kia rồi! Lại **cả** ông Toàn quyền đây rồi!

D. **Những** người nghèo nhiều tự ái vẫn thường như thế.

🡪 câu D

**Dặn dò:**

1. **Học thuộc hai phần Kết luận**
2. **Hoàn chỉnh bài tập.**
3. **Chuẩn bị bài mới**

**- Đọc trước, trả lời** **các câu hỏi và** **bài tập trong SGK**

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Đọc mở rộng theo thể loại:**

**THUYỀN TRƯỞNG TÀU VIỄN DƯƠNG (Trích)**

*(Lưu Quang Vũ)*

**1. Mục tiêu**

**1. Kiến thức**

- Một số yếu tố của hài kịch: xung đột, hành động, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng…

- Chủ đề, thông điệp văn bản, một số căn cứ để xác định chủ đề

**2. Năng lực**

***2.1. Năng lực đặc thù***

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch: xung đột, hành động, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng…

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, thông điệp văn bản, một số căn cứ để xác định chủ đề.

***2.2. Năng lực chung***

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.

- Tự chủ và tự học.

**3. Phẩm chất**

- Ý thức được sự bình đẳng, dân chủ, có vẻ thái độ phê phán cái xấu, trân trọng tiếng cười trong cuộc sống.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Thiết bị dạy học**

- SGK, SGV

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm

- Phiếu học tập

**2. Học liệu**

- Tác phẩm “Bệnh sĩ”

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho học sinh kết nối vào nội dung bài học

**b. Nội dung**: GV đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài học.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| Tổ chức thực hiện | Sản phẩm dự kiến |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ  Em hiểu bệnh sĩ là gì? Theo em, bệnh sĩ có tác hại gì?  B2: Thực hiện nhiệm vụ  HS hoạt động cá nhân: ghi nhanh ra giấy note  B3: Báo cáo/ Thảo luận  GV mời 1 – 2 HS chia sẻ nhanh trước lớp  B4: Kết luận/ Nhận định  GV nhận xét, dẫn dắt vào bài | - Là thói thích phô trương, khoe khoang, chuộng hình thức, cố tình che giấu sự sơ sài, nghèo nàn của mình (cả về vật chất lẫn tinh thần), tỏ ra mình giàu có, sang trọng, giỏi giang, nhiều thế mạnh nổi trội hơn người.  - Bệnh sĩ làm cho nhiều người không dám sống thật với mình, trở nên dối trá, thậm chí lừa bịp. |

**Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Phần I. Trải nghiệm đọc cùng văn bản và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Học sinh đọc văn bản, trả lời câu trải nghiệm

**b. Nội dung**: GV cho HS đọc văn bản và trả lời câu hỏi trải nghiệm cùng văn bản

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, kết quả thảo luận

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| Tổ chức thực hiện | Sản phẩm dự kiến |
| *B1: Chuyển giao nhiệm vụ*  *- GV hướng dẫn cách đọc văn bản HS đọc thầm, chú ý lời thoại của nhân vật và lời chỉ dẫn sân khấu.*  *- Lưu ý 1 số từ khó, xem phần chú thích để hiểu nghĩa của từ.*  - Xuất xứ văn bản?  - Xem phần tóm tắt tác phẩm “Bệnh sĩ”  *B2: Thực hiện nhiệm vụ*  - HS đóng vai đọc và lắng nghe văn bản theo hướng dẫn  - HS hoạt động cá nhân  *B3: Báo cáo/ Thảo luận*  *- HS trả lời cá nhân*  *B4: Kết luận/ Nhận định*  GV nhận xét, chốt kiến thức. | **1. Đọc văn bản**  **2. Tìm hiểu chung**  **- Xuất xứ:** trích cảnh VI vở kịch 6 cảnh “Bệnh sĩ” của Lưu Quang Vũ. - Thể loại: hài kịch |

**Phần II. Suy ngẫm và phản hồi**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch: xung đột, hành động, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng…

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, thông điệp văn bản, một số căn cứ để xác định chủ đề.

**b. Nội dung**:

- GV giao nhiệm vụ HS về nhà thực hiện

- HS làm việc, lên lớp thống nhất đáp án theo nhóm

**c. Sản phẩm:**

- Phiếu học tập, phần trình bày của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tổ chức thực hiện | | Sản phẩm dự kiến |
| *B1: Chuyển giao nhiệm vụ*  *NV1:*  *- Liệt kê tên các nhân vật trong văn bản “Thuyền trưởng tàu viễn dương”? (ông Toàn Nha, Tiến, Xoan, Nhàn, Hưng, ông Thìn, Văn Sửu, ông Độp)*  *- Tiếng cười chủ yếu hướng đến nhân vật nào? (ông Toàn Nha, cụ thể là bệnh sĩ của ông ta)*  *GV lần lượt bốc thăm các nhóm báo cáo sản phẩm đã chuẩn bị ở nhà*  *1. Báo cáo kết quả phiếu học tập số 1: Phiếu tìm hiểu nhân vật ông Toàn Nha*  *2. Báo cáo kết quả phiếu học tập số 2: Tìm hiểu lời văn trong ngôn ngữ kịch*  *3. Báo cáo kết quả phiếu học tập số 3: Tìm hiểu xung đột kịch giữa: Tiến, Hưng – Xoan, Nhàn*  *B2: Thực hiện nhiệm vụ*  - HS thảo luận nhóm  *B3: Báo cáo/ Thảo luận*  *-* GV gọi HS và nhóm bất kì báo cáo sản phẩm => nhóm khác bổ sung  *B4: Kết luận/ Nhận định*  GV nhận xét, chốt kiến thức | | **1. Nhân vật, ngôn ngữ và xung đột hài kịch**  **a. Nhân vật hài kịch** |
| Dự kiến phiếu học tập số 1   |  |  |  | | --- | --- | --- | | ***Phiếu tìm hiểu nhân vật ông Toàn Nha*** | | | | ***Ảo tưởng của ông*** | ***Lời thoại thể hiện*** | ***Thực tế*** | | *- Sung sướng, hãnh diện khi nghĩ đang được đồng chí thuyền trưởng tàu viễn dương tự lái con tàu ông đưa đi cấp cứu.*  *- Lễ rước đuốc mừng công thắng lợi lớn.* | *- Đúnglắm! Phải thế! Rất tốt! Toàn Nha này đã không đi thì thôi, đã đi thì phải…*  *- Chúng ta vẫn thắng lợi lớn! Rất lớn!... Tiến lên! các đồng chí! Hùng Tâm ta tiến lên!* | *- Ngồi trên một con tàu chờ phân đạm của một người lái tàu đường sông.*  *- Buổi lễ đã thất bại bi đát. Kho pháo bị nổ, bản thân bị bỏng nặng phải đưa đi cấp cứu.* | | ***Nhận xét về nhân vật:*** *Ông Toàn Nha là hiện thân sinh động trước những người mắc “bệnh sĩ” rất nặng nề. Từ đó làm bật lên tiếng cười mang tính chất khôi hài.* | | |   Dự kiến phiếu học tập số 2   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Nhân vật** | **Lời thoại** | **Lời chỉ dẫn sân khấu** | | Tiến | - Điên à? Trời rét thế này! Xem nào. Mình sẽ trao đổi rất ngắn gọn rồi tìm cách đẩy họ rời khỏi tàu ngay. Họ sẽ bận bốc dỡ dưới mấy xà lan kia… còn cậu… chui vào, không ngạt đâu, có mấy khe đủ thở. Nằm ừ im. Mình sẽ đẩy họ rời khỏi đây ngay. Nhanh thôi. Nhưng cậu phải nằm im đấy! Chui vào nhanh lên! | …(suy nghĩ)…  …(chỉ vào một thùng gỗ to, ở ngoài có vẽ hình cái ô và cái cốc)…  (Đẩy Hưng chui vào hòm, đóng nắp lại, Nhàn và Xoan xuất hiện.) | | Xoan | - Ối chị ơi! Có tiếng gì trong cái hòm này … như tiếng thở ấy… Eo ơi! | …(giật mình)…  …(vội nhảy khỏi cái cái hòm)… | | Ông Toàn Nha | - Chúng ta vẫn thắng lợi lớn! Rất lớn! Nổ máy! Mục tiêu bệnh viện huyện! Tiến lên! Các đồng chí! Hùng Tâm ta tiến lên! | …(cố ngồi dậy nửa nằm nửa quỳ vung tay)…  …(ngã gục)… |   Dự kiến phiếu học tập số 3   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Các bên | Các hành động làm nảy sinh xung đột | Các hành động giải quyết xung đột | | Tiến, Hưng – Xoan, Nhàn | - Tiến, Hưng: Tiến bày cho Hưng tránh mặt Nhàn, Xoan bằng cách chui vào thùng và nói dối là “thuyền trưởng đi vắng”. Núp trong thùng Hưng vô tình tạo ra tiếng động…  - Xan, Nhàn tỏ ý ngờ vực, sốt ruột: phát hiện tiếng động nghe tiếng giải thích (nói dối) là tiếng chuột chạy, Xoan tỏ sự sốt sắng muốn tìm cách tiêu diệt chuột. | Tiến, Hưng  - Hưng vẫn núp trong thùng Tiến tìm lời chống chế Xoan, Nhàn  - Xoan muốn ném cái thùng gỗ xuống sông để nhấn chết con chuột; Tiến lại tìm cách chống chế để cứu nguy cho Hưng; Nhàn cho rằng đó là lòng “nhân đạo” rất lạ lùng.. Giữa lúc đó thì có tiếng nổ và tiếng kêu cứu Hưng buộc phải chui ra. | | | |
| Tổ chức thực hiện | **Sản phẩm dự kiến** | |
| *B1: Chuyển giao nhiệm vụ*  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *1. Xác định chủ đề văn bản?*  *2. Phân tích một trong những thủ pháp trào phúng mà em cho là hiệu quả rõ rệt trong việc thể hiện chủ đề?*  *B2: Thực hiện nhiệm vụ*  - HS thảo luận nhóm hợp tác hoàn thành phiếu  *B3: Báo cáo/ Thảo luận*  *-* GV gọi đại diện các nhóm trình bày sản phẩm  - Các nhóm khác nhận xét và bổ sung  *B4: Kết luận/ Nhận định*  GV nhận xét, chốt kiến thức | **2. Chủ đề văn bản và thủ pháp trào phúng**  ***a. Chủ đề văn bản***  - Thói sống háo danh, mắc bệnh sĩ để rồi hại đến bản thân mà vẫn không biết sai.  **b. Thủ pháp trào phúng**  - Nhà văn sử dụng câu từ mỉa mai, lối nói châm biếm và xây dựng các tình huống truyện xung đột để khắc họa rõ nét tính cách các nhân vật.  **- VD:** Háo danh, sĩ, cứ phải viễn dương cơ, biển cơ. Không phải cái thói háo danh của các vị thì làm gì có những việc rắc rối. | |

**Hoạt động 3: LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung**: Gv tổ chức trò chơi *“*Giải cứu đại dương” để hướng dẫn học sinh củng cố kiến thức đã học

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, thái độ khi tham gia trò chơi

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  *Gv tổ chức trò chơi để hướng dẫn học sinh củng cố lại kiến thức đã học.*  **1. Ai là tác giả của vở hài kịch “Bệnh sĩ”?**  A. Lưu Minh Vũ  B. Lê Quang Vũ  C. Lê Minh Vũ  D. Lưu Quang Vũ  **2. Đoạn trích “Thuyền trưởng tàu viễn dương” được trích từ cảnh thứ mấy vở hài kịch “Bệnh sĩ”?**  A. Cảnh II  B. Cảnh VI  C. Cảnh V  D. Cảnh IV  **3. Ai nhà nhân vật đại diện cho căn bệnh sĩ trong tác phẩm?**  A. Nhàn  B. Hưng  C. Ông Toàn Nha  **4. Cuối đoạn trích, ông Toàn Nha bị thương nặng do bệnh sĩ của mình gây ra nhưng ông có nhận ra sai lầm hay không?**  A. Có  B. Không  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS tham gia trò chơi  **Bước 3: Báo cáo/ thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động  - Hs tham gia trò chơi, trả lời câu hỏi  **Bước 4: *Kết luận/ Nhận định***  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | |

**IV. Hồ sơ dạy học**

**Phiếu học tập số 1:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phiếu tìm hiểu nhân vật ông Toàn Nha** | | |
| **Ảo tưởng của ông** | **Lời thoại thể hiện** | **Thực tế** |
|  |  |  |
| **Nhận xét về nhân vật:** | | |

**Phiếu học tập sô 2**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nhân vật** | **Lời thoại** | **Lời chỉ dẫn sân khấu** |
| **Tiến** |  |  |
| **Xoan** |  |  |
| **Ông Toàn Nha** |  |  |

**Phiếu học tập 3**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Các bên** | **Các hành động làm nảy sinh xung đột** | **Các hành động giải quyết xung đột** |
| Tiến, Hưng – Xoan, Nhàn |  |  |

**Tiết: VIẾT**

**VIẾT VĂN BẢN KIẾN NGHỊ VỀ MỘT VẤN ĐỀ CỦA ĐỜI SỐNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Viết được văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống.

**2. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

**1. Thiết bị dạy học**

- Sách giáo khoa, Sách giáo viên

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A0 hoặc bảng phụ

- Phiếu học tập.

**2. Học liệu**

- Tài liệu, bài tham khảo liên quan đến nội dung bài học

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**1. Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**2. Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

**3. Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS

**4. Tổ chức thực hiện:**

- GV đặt câu hỏi gợi mở cho HS: Khi chúng ta có một ý kiến, nguyện vọng muốn được giải quyết, chúng ta sẽ làm như thế nào?

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ những suy nghĩ của bản thân.*

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Bài học hôm nay*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu tri thức về văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống**

**1. Mục tiêu:** Nhận biết được khái niệm, các yêu cầu của văn bản.

**1. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**3. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**4. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *Gv yêu cầu HS, dựa vào SGK nêu khái niệm và yêu cầu đối với văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống.*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện, tiếp nhận nhiệm vụ  + HS quan sát, lắng nghe và trả lời  +GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **I. Tìm hiểu chung**  ***1. Khái niệm***  - **Văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống** là kiểu văn bản thông tin, trình bày ý kiến, nguyện vọng của người viết; đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân xem xét, giải quyết một vấn để của đời sống thuộc thẩm quyền của họ.  ***2.Yêu cầu đối với văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống***  *a. Yêu cầu về nội dung*  + Cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin về thời gian, địa điểm, tên tố chức hoác cá nhân nhận kiến nghị; thông tin vể người viết kiến nghị; lí do, nội dung kiến nghị.  *+* Diễn đạt rõ ràng, mạch lạc  *b. Yêu cầu về hình thức*: bố cục 3 phần  - Phần mở đầu  - Phần nội dung  - Phần kết thúc |

**Hoạt động 2: Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản**

**1. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu của văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống

**2. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**3. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**4. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS quan sát ví dụ SGK/trang 125-126 và trả lời các câu hỏi:  + Văn bản đã đáp ứng được những yêu cầu nào về hình thức ( bố cục, cách trình bày thông tin trong từng phần,...) của một văn bản kiến nghị?  +  Liệt kê các loại thông tin cần phải nêu rõ ở phần mở đầu của văn bản kiến nghị.  + Vấn đề của đời sống mà người viết văn bản kiến nghị là gì? Nêu một số bằng chứng cho thấy nội dung kiến nghị đã được trình bày rõ ràng.  + Xác định những nội dung chính được trình bày trong phần kết thúc bản kiến nghị.  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **II. Phân tích kiểu văn bản**  1. Hình thức  - Bố cục  Văn bản đủ ba phần mờ đầu, nội dung, kết thúc.  - Cách trình bày thông tin cũng đúng theo bố cục từng phần.  2. Phần mở đầu  Các loại thông tin cần phải nêu rõ ở phần mở đầu của văn bản kiến nghị:  - Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị của người viết ( nếu có): Trình bày sát lề trái của văn bản.  - Số kí hiệu văn bản ( nếu có): trình bày sát lề trái của văn bản.  - Quốc hiệu, tiêu ngữ, tên văn bản kiến nghị, cụm từ tóm tắt nội dung vấn đề kiến nghị, tên cá nhân tổ chức tiếp nhận và giải quyết kiến nghị.  - Ghi rõ tên, địa chỉ và các thông tin cần thiết về cá nhân, tổ chức làm văn bản kiến nghị.  3. Phần nội dung  - Vấn đề của đời sống mà người viết văn bản kiến nghị là:  + Tiếng ồn ảnh hưởng đến sinh hoạt học tập của học sinh  + Có kẻ xấu lợi dụng sơ hỏe để lấy cắp đồ đạc hoặc có hành vi thiếu đúng đắn với nữ sinh.  + Nhiều bóng điện bị hư hỏng  - Phần nội dung đã nêu rõ các nội dung kiến nghị và đề xuất giải pháp cho từng đề nghị.  4. Phần kết thúc  Các nội dung chính được trình bày trong phần kết thúc là:  - Lời cảm ơn  - Kí tên người đại diện làm kiến nghị. |

**Hoạt động 3: Hướng dẫn quy trình viết**

**1. Mục tiêu:** Nắm được cách viết kiểu văn bản

**2. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**3. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**4. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc kĩ Hướng dẫn quy trình viết trong SGK/126-129.  - Hướng dẫn HS làm bài  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. | **III. Thực hành**  **\* Đề bài:** Giả sử em được tập thể lớp giao nhiệm vụ kiến nghị với Ban Giám hiệu nhà trường tổ chức một hoạt động ngoại khóa để nâng cao kỹ năng sống cho học sinh hoặc có giải pháp xây dựng môi trường học tập tốt hơn. Hãy thay mặt lớp viết bản kiến nghị đó.  1/ Chuẩn bị trước khi viết  + Xác định vấn đề cần kiến nghị  + Xác định mục đích viết  + Xác định đối tượng giải quyết kiến nghị  + Tìm tư liệu liên quan  2/ Tìm ý, lập dàn ý  3/ Viết bài  4/ Xem lại, chỉnh sửa, rút kinh nghiệm |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**1. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**2. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**3. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**4. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* HS thực hành viết bài, dám sát dàn ý đã lập.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**1. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**2. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**3. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**3. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* HS rà soát, chỉnh sửa bài viết theo gợi ý

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

\* Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:

- Hoàn thành bài tập

- Soạn bài:

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**\*Rút kinh nghiệm:** …………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**NÓI VÀ NGHE:**

**TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- HS tóm tắt được nội dung và đưa được ý kiến về một vấn đề xã hội

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Trình bày được ý kiến về một vấn đề xã hội, nêu rõ ý kiến và các luận điểm sử dụng lý lẽ và bằng chứng thuyết phục

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

***1. Thiết bị dạy học***

- SGK, SGV - Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm

- Phiếu học tập

***2. Học liệu***

- Tài liệu, video liên quan đến nội dung bài học

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để thực hiện hoạt động khởi động.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS về bài học

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV đưa ra các từ khóa: ham danh, sính ngoại, lừa đảo, sĩ diện,….

yêu cầu HS ghi lại 3 từ khóa em ấn tượng vào giấy note sau đó nộp lại cho GV - GV lựa chọn 3 từ khóa được ghi nhiều nhất đặt câu hỏi: ***Theo em các từ khóa này nói về vấn đề nào trong xã hội của chúng ta ngày nay?***

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi, yêu cầu của GV.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 3 – 4 HS nêu ý kiến

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** - GV nhận xét, đánh giá hoạt động khởi động của HS.

- GV dẫn vào bài học

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Xác định các bước trình bày bài nói và nghe**

**a. Mục tiêu:** Xác định được các thao tác cần thực hiện khi nghe

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi của GV.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu rõ yêu cầu: HS xác định nội dung nghe.  - GV hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung nghe và trình bày.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  - Các nhóm luyện nói  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **Buớc 1: Xác định đề tài, người nghe, thời gian và không gian nói**  - Các văn bản hài kịch mà em đã học gợi ra một số vấn đề xã hội rất sâu sắc, những vấn đề đó không chỉ ở trong quá khứ mà vẫn tồn tại trong xã hội hiện nay. Hãy chọn một vấn đề mà em quan tâm để trình bày ý kiến của mình  - Các vấn đề đó có thể là:  + Thói háo danh, học đòi làm sang.  + Bệnh sĩ diện.   * + Thói lửa gạt * + Thói sinh ngoại.   - Để tăng hiệu quả giao tiếp, em xác định mục đích trình bày; những vấn đề mà người nghe quan tâm; thời lượng bài trình bày. Từ đó, xác định nội dung và cách trình bày phù hợp.  **Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý**  Để tìm ý cho bài nói em hãy trả lời một số câu hỏi:  - Ý kiến của em về hiện tượng này là gi? Vì sao em có ý kiến như vậy? Những bằng chứng nào sẽ giúp củng cố cho lí lẽ của em?  - Có thể tìm kiếm, thu thập các câu chuyện, hình ảnh video clip nào liên quan đến bài nói để làm bằng chứng cho nhận định của mình?  - Từ những ý đã phác thảo, chọn những ý tiêu biểu để lập dàn ý (tham khảo cách làm ở bài Sự sống thiêng liêng)  **Bước 3: Luyện tập và trình bày**  Sử dụng những kĩ năng đã học ở bài Sự sống thiêng liêng để tự luyện tập.  **Bước 4: Trao đổi và đánh giá**  - Cần có thái độ cầu thị, lắng nghe, hoà nhã khi trả lời những câu hỏi, ý kiến phản biện  Lưu ý: cùng một vấn đề mỗi người có thể có cách tiếp cận riêng, có cách lí giải khác nhau và cần được tôn trọng |

**Hoạt động 2: Xác định các tiêu chí đánh giá kĩ năng trình bày**

1. **Mục tiêu:** Xác định các tiêu chí đánh giá kĩ năng trình bày
2. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi của GV.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm mà GV đã chia để thống nhất các tiêu chí đánh giá **kĩ năng trình bày**  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận theo nhóm để xác định các tiêu chí đánh giá kĩ năng trình bày ý kiến về một vấn đề của xã hội  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả hoạt động của nhóm mình, yêu cầu các nhóm khác nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV nhận xét, đánh giá, chốt tiêu chí.  - HS thảo luận theo nhóm để xác định các tiêu chí đánh giá kĩ năng trình bày ý kiến về một vấn đề của xã hội | **II. Các tiêu chí đánh giá**  Xem ở bảng kiểm |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về kĩ năng trình bày một vấn đề xã hội

**b. Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học và SGK để hoàn thành BT.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS liên quan đến bài học

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập** Hoàn thành bài nói và nghe

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- Thực hiện hoàn thành bài nói và nghe

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 – 3 HS trình bày phần ghi chép của mình.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi cả lớp.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV yêu cầu HS đánh giá, nhận xét bài trình bày của nhóm bạn

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe GV yêu cầu, sau đó thực hiện

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 – 3 HS trình bày phần ghi chép của mình.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** - GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi cả lớp.

**\* Hướng dẫn về nhà** - GV dặn dò HS:

+ Soạn trước bài *Ôn tập*.

**IV. HỒ SƠ DẠY HỌC**

Bảng kiểm kĩ năng trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tiêu chí | Đạt | Chưa đạt |
| Bài trình bày có đủ các phần giới thiệu, nội dung, kết thúc |  |  |
| Mở đầu và kết thúc ấn tượng, thu hút |  |  |
| Nêu rõ vấn đề trình bày |  |  |
| Trình bày trực tiếp , rõ ràng ý kiến đồng tình hay phản đối với vấn đề được trình bày |  |  |
| Đưa ra được lí lẽ, bằng chứng thuyết phục |  |  |
| Kết hợp sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ và ngôn ngữ |  |  |
| Ghi nhận và phản hồi lịch sự, thỏa đáng những câu hỏi hoặc phản bác của người nghe |  |  |
| Trình bày tự tin, nói năng lưu loát |  |  |
| Đảm bảo thời gian quy định |  |  |

**ÔN TẬP BÀI 5**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Về năng lực:**

***1.1. Năng lực đặc thù:***

- Trình bày được phần chuẩn bị cho các nội dung ôn tập đã thực hiện ở nhà.

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học trong bài học để thực hiện các nhiệm vụ ôn tập.

***1.2. Năng lực chung:***

- Giao tiếp và hợp tác: Biết thảo luận nhóm và hợp tác để có giải pháp thống nhất.

- Tự chủ và tự học.

**2. Về phẩm chất:** Ý thức được sự bình đẳng, dân chủ, có thái độ phê phán cái xấu, trân trọng tiếng cười trong cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

**1. Thiết bị:**

- SHS, SGV

- Một số tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu, máy tính, bảng, phấn, giấy A4, giấy note, phiếu học tập.

- Bảng kiểm đánh giá hoạt động nhóm:

**BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CHUNG CỦA NHÓM …**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung** | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| 1 | Sản phẩm đúng |  |  |
| 2 | Thái độ làm việc nhóm |  |  |
| 3 | Báo cáo sản phẩm trước lớp |  |  |
| 4 | Phản biện với nhóm khác |  |  |
| 5 | Số thứ tự nộp sản phẩm |  |  |
| 6 | Đảm bảo thời gian |  |  |
| 7 | Điểm cộng |  | |
| 8 | Điểm trừ |  | |

**2. Học liệu:**

SGK, phần ôn tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú, tâm thế cho học sinh; tạo tình huống/vấn đề học tập nhằm huy động kiến thức, kinh nghiệm hiện có của học sinh và nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới liên quan đến tình huống/vấn đề học tập.

**b. Nội dung:** HS trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

\* Hình thức: cá nhân

\* Kỹ thuật: hỏi – trả lời

***B1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV yêu cầu HS nêu nhiệm vụ của tiết ôn tập, báo cáo phần chuẩn bị bài ở nhà.

***B2: Thực hiện nhiệm vụ***

Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ

***B3: Báo cáo, thảo luận***

1-2 HS trả lời câu hỏi, nhóm trưởng báo cáo phần chuẩn bị bài ở nhà của các thành viên trong nhóm.

***B4: Kết luận, nhận định***

GV góp ý cho câu trả lời của HS, nêu yêu cầu của bài học.

**HOẠT ĐỘNG 2: ÔN TẬP KIẾN THỨC**

**I. PHẦN ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS

*-* Vận dụng các kiến thức và kĩ năng đã học trong bài để trả lời các câu hỏi SGK.

- Chia sẻ được kết quả đã chuẩn bị ở nhà.

**b. Nội dung:** HS trả lời các câu hỏi SGK tr.130

**c. Sản phẩm:**Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV & HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| \* Hình thức: nhóm (6-8HS)  \* Kỹ thuật: trạm – mảnh ghép  ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ***  ***- Vòng chuyên gia:*** GV chia HS thành 6 nhóm, phân nhiệm vụ:  **+ N1,3,5:**  (1) Nêu và giải thích đặc điểm của hài kịch. Minh hoạt một trong những đặc điểm ấy bằng các dẫn chứng rút ra từ một trong ba văn bản hài kịch đã đọc.  (2) Đặt một câu có sử dụng trợ từ, thán từ lấy đề tài từ các văn bản hài kịch đã học. Xác định trợ từ, thán từ và nêu tác dụng của chúng.  **+ N2,4,6:**  (1)Nêu chủ đề, thủ pháp gây cười được sử dụng trong ba văn bản: *Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục, Cái chúc thư, Thuyền trưởng tàu viễn dương* theo mẫu sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Văn bản | Chủ đề | Thủ pháp gây cười | |  |  |  | |  |  |  | |  |  |  |   (2) Tiếng cười trong hài kịch có ý nghĩa như thế nào đối với đời sống của con người?  ***- Vòng mảnh ghép:*** sau 4p, khi nhóm chuyên gia hoạt động trả lời câu hỏi xong, GV cho HS trong nhóm chuyên gia đếm số và hình thành nhóm ghép, yêu cầu các chuyên gia ở nhóm ghép thực hiện nhiệm vụ của mình.  ***B2: Thực hiện nhiệm vụ***  Nhóm ghép thực hiện nhiệm vụ  ***B3: Báo cáo, thảo luận***  Đại diện ngẫu nhiên các nhóm trả lời lần lượt các câu hỏi. Các nhóm khác bổ sung, trao đổi (nếu có) theo từng câu hỏi.  ***B4: Kết luận, nhận định***  - GV góp ý cho câu trả lời của nhóm HS, hướng dẫn HS kết luận theo định hướng ở nội dung cần đạt, kết nối chủ đề.  - Yêu cầu nhóm trưởng và thư kí đánh giá hoạt động nhóm theo bảng kiểm.  \* Hình thức: cặp đôi  \* Kỹ thuật: lẩu băng chuyền  ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ***  GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi:  (1) Theo em, vì sao khi viết một văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống, người viết không được để thiếu bất kì phần nào trong các phần: phần mở đầu, phần nội dung, phần kết thúc?  ***B2: Thực hiện nhiệm vụ***  HS hoạt động cá nhân → bắt cặp → chia sẻ  ***B3: Báo cáo, thảo luận***  2-3 cặp đôi chia sẻ, các cặp đôi khác lắng nghe, góp ý, bổ sung (nếu có)  ***B4: Kết luận, nhận định:***  - GV nhận xét câu trả lời của các cặp đôi, định hướng như nội dung cần đạt.  - Đánh giá phần hoạt động của HS, chốt chủ đề, dặn dò HS chuẩn bị cho tiết ôn tập học kì I. | **I. Phần đọc văn bản và thực hành tiếng Việt:**  **Câu 1:**  **\* Các đặc điểm của hài kịch:**  - Nhân vật của hài kịch  - Hành động trong hài kịch  - Xung đột kịch  - Lời thoại  - Lời chỉ dẫn sân khấu  **\* Ví dụ: Văn bản *Thuyền trưởng tàu viễn dương***  - Trong đoạn trích có sự mâu thuẫn giữa cái xấu và cái tốt.  - Nhân vật trong đoạn trích có sự không tương xứng giữa thực chất bên trong và hình thức bên ngoài, giữa suy nghĩ và hành động khiến việc làm trở nên lố bịch hài hước.  - Đoạn trích chủ yếu toàn là lời thoại giữa các nhân vật với nhau. Lời thoại bộc lộ được đặc điểm, tính cách, có yếu tố hài hước, gây cười.  **Câu 2:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Văn bản** | **Chủ đề** | **Thủ pháp gây cười** | | *Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục* | Khắc họa tính cách lố lăng của một tên trưởng giả đã dốt nát còn đòi học làm sang, tạo nên tiếng cười cho độc giả. | Xây dựng hình tượng nhân vật hài kịch bất hủ khi tạo ra sự khập khiễng bất hòa giữa cái ngu dốt, ngớ ngẩn với giấc mộng học đòi làm sang. | | *Cái chúc thư* | Khắc họa tính cách tham lam của những con người hám của, hám vật chất vì tiền mà có thể làm tất cả. | Sự tham lam nhưng sợ sệt của những con người hám tiền gây tiếng cười cho độc giả | | *Thuyền trưởng tàu viễn dương* | Khắc họa bệnh sĩ của một người kém hiểu biết | Từ bệnh sĩ muốn tạo danh tiếng mà bắt người khác đóng giả, thực hiện các việc ngoài tầm thực hiện nhưng lại thất bại, tạo nên tiếng cười cho độc giả. |   **Câu 3:**  **1. Trợ từ:**  - Ví dụ: Ông Giuốc-đanh đã mất ***những*** ba lần tiền cho lời khen của bốn chú thợ phụ.  → Trợ từ có tác dụng nhấn mạnh số lượng nhiều.  - Đặt câu: Nam ăn những ba bát cơm.  **2. Thán từ:**  - Ví dụ: **A**! Bác đã tới đấy à?  → Thán từ biểu thị cảm xúc mừng rỡ.  - Đặt câu: A! Mẹ đã đi chợ về.  **Câu 6:**  - Tiếng cười trong hài kịch là một loại vũ khí, phương tiện để phê phán mặt trái của cuộc sống để phủ định tất cả những gì xấu xa, giả dối, lỗi thời, đó là hình thức phê phán đặc biệt để khẳng định cái mới, cái tốt đẹp.  - Qua các nhân vật hài kịch, chúng ta có thể nhận diện những hành vi chưa đúng chuẩn mực trong đời sống, từ đó hình thành lối ứng xử văn minh, phù hợp.  - Tiếng cười trong hài kịch góp phần làm cuộc sống vui tươi, lạc quan.  **II. Phần viết, nói và nghe:**  **Câu 4:** Khi viết một văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống, người viết không được để thiếu bất  kì phần nào vì:  - Đó là cơ sở (có thể thuộc về pháp lí) để người nhận kiến nghị giải quyết đúng sự việc.  - Đáp ứng chuẩn mực theo yêu cầu chung của văn bản hành chính.  - Tăng tính trân trọng trong giao tiếp, sự đúng đắn của vấn đề được trình bày, đề xuất.  Vì các phần đều có vai trò riêng của mình,nếu thiếu một phần thì sẽ bị thiếu thông tin dẫn đến văn bản thiếu nội dung và sự chính xác.  **Câu 5:** Một số lưu ý:  - Cần tìm hiểu kĩ về vấn đề mình sẽ viết, trình bày.  - Cần lắng nghe ý kiến của người khác, không nên áp đặt suy nghĩ của bản thân và bắt mọi người phải công nhận nó đúng.  - Trình bày rõ ràng từng luận điểm. Mỗi luận điểm cần đi kèm với lĩ lẽ và bằng chứng xác thực để tăng tính thuyết phục đối với người nghe. |

--------- 🙢 🕮🕮🕮 🙠 ---------

**ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I**

**I. MỤC TIÊU** *Học sinh đạt được:*

**1. Kiến thức**

- Hệ thống lại các nội dung cơ bản đã học trong học kì I, gồm các kĩ năng đọc hiểu, viết, nói và nghe; các đơn vị kiến thức tiếng Việt, văn bản.

- Đặc điểm hình thức và nội dung của thơ sáu chữ, bảy chữ, văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên, văn bản nghị luận, truyện cười, hài kịch.

**2. Năng lực**

***2.1. Năng lực đặc thù***

- Năng lực nhận diện các đặc điểm của các kiểu văn bản đã học, kĩ năng các kiểu bài viết.

***2.2. Năng lực chung***

- Tự chủ và tự học.

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**3. Phẩm chất**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học**

- Sách giáo khoa, Sách giáo viên

- Máy chiếu, máy tính

- Phiếu học tập

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Học liệu**

Tri thức Ngữ văn.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

***a. Mục tiêu****:* Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

***b. Nội dung****:* HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV.

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *? Em đã học những nội dung nào trong học kì 1?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS lắng nghe và hoạt động cá nhân.  - GV theo dõi, quan sát HS.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS được trả lời cá nhân theo tinh thần tự chủ động  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, chốt kiến thức, dẫn dắt vào bài học. | HS liệt kê những nội dung đã học. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (ÔN TẬP)**

***a. Mục tiêu****:* HS hệ thống được các nội dung kiến thức, kĩ năng (văn học và ngôn ngữ) đã được hình thành trong học kì I.

***b. Nội dung****:* GV hướng dẫn HS làm việc nhóm soạn bài trên ppt hoặc giấy khổ A0, trình bày sản phẩm đã được giao (ở nhà) để ôn lại các nội dung kiến thức đã học.

|  |  |
| --- | --- |
| **Nhóm** | **Nhiệm vụ** |
| Nhóm 1 | Hoàn thành câu hỏi phần ĐỌC |
| Nhóm 2 | Hoàn thành câu hỏi phần TIẾNG VIỆT |
| Nhóm 3 | Hoàn thành câu hỏi 1, 2 phần VIẾT |
| Nhóm 4 | Hoàn thành câu hỏi 1, 2, 4 phần NÓI VÀ NGHE |

***c. Sản phẩm:*** Bảng thống kê, ppt trình chiếu kết quả làm việc nhóm của HS theo hướng dẫn của GV.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS sắp xếp lớp học và di chuyển về vị trí làm việc nhóm.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ theo sự hướng dẫn của GV.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Lần lượt các nhóm lên trình bày kết quả, sản phẩm làm việc nhóm theo phân công và tự điều hành tiếp nhận, phản hồi ý kiến của các thành viên trong lớp.  - HS lắng nghe, ghi chép ý kiến nhận xét và phản hồi cho từng nhóm.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, yêu cầu các nhóm chỉnh sửa sản phẩm, tập hợp thành tài liệu ôn tập cho cả lớp. | **I. ĐỌC**  **1. Nối tên thể loại ở cột A với đặc điểm tương ứng ở cột B:**  1 – d; 2 – c; 3 – e; 4 – a; 5 – b  **2. Chọn một văn bản tiêu biểu cho mỗi thể loại đã học trong HKI để hoàn thành bảng sau:**   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Bài học** | **Tên văn bản** | **Tác giả** | **Thể loại** | **Đặc điểm** | | | **Nội dung** | **Hình thức** | | 1 | Nhớ đồng | Tố Hữu | Thơ bảy chữ | Bài thơ là tiếng lòng da diết với cuộc đời, cuộc sống tự do và say mê cách mạng của nhân vật trữ tình. | Thơ  Phương thức biểu đạt: Biểu cảm. | | 2 | Mưa xuân II | Nguyễn Bính | Thơ tự do | Cảm xúc rung động của tác giả trước sự kỳ diệu của tạo hóa, nhà thơ phải mượn cây bút hội họa để vẽ lại, tạc lại cái khoảnh khắc mà tâm hồn ông đang run lên cùng với niềm vui sinh nở. | Văn bản thông tin | | 3 | Bức thư của thủ lĩnh da đỏ | Xi-át-tô | Văn bản nghị luận | Qua bức thư trả lời yêu cầu mua đất của Tổng thống Mĩ Phreng-klin, thủ lĩnh người da đỏ Xi-át-tơn, đã đặt ra một vấn đề có ý nghĩa toàn nhân loại: Con người phải sống hòa hợp với thiên nhiên, phải chăm lo bảo vệ môi trường và thiên nhiên như bảo vệ mạng sống của chính mình. | Văn bản  Phương thức biểu đạt: nghị luận kết hợp với miêu tả, biểu cảm. Sử dụng phép so sánh, nhân hoa, điệp ngữ phong phú đa dạng. | | 4 | Khoe của |  | Truyện cười | Truyện “Lợn cưới, áo mới” chế giễu, phê phán những người có tính hay khoe của, một tính xấu khá phổ biến trong xã hội. | Cách kể chuyện ngắn gọn, gây ấn tượng cho người đọc.  - Có yếu tố gây cười, hài hước. | | 5 | Ông Giuốc- đanh mặc lễ phục | Mô-li-e | Hài kịch | Văn bản khắc họa tính cách lố lăng của một tên trưởng giả đã dốt nát còn đòi học làm sang, tạo nên tiếng cười cho độc giả | - Sử dụng lời thoại sinh động, chân thực và phù hợp, nghệ thuật tăng cấp khiến cho lớp kịch càng ngày càng hấp dẫn, tính cách nhân vật được khắc họa thành công, rõ nét. |   **3. Tóm tắt những kinh nghiệm em đã tích lũy được ở học kì I về việc đọc hiểu văn bản theo một số thể loại cụ thể.**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thể loại** | **Kinh nghiệm đọc rút ra** | | 1 | Thơ sáu chữ, bảy chữ | - Chú ý âm vần, thanh, sự trùng điệp của âm hưởng  - Đọc và cảm nhận được hình tượng ngôn nghữ trong tác phẩm  - Đọc và phát hiện ý ngoài lời thơ, dùng trí tưởng tượng để khôi phục hoàn chỉnh về đời sống cảm xúc trong bài thơ  - Thấy được giọng điệu, ý vị của thơ  - Tìm hiểu ngữ cảnh, chủ thể trữ tình của thơ | | 2 | Văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên | - Tìm hiểu bố cục tổng quan  - Xác định được đối tượng thuyết minh  - Nắm chắc những đặc điểm và tính chất của sự vật, hiện tượng cần được thuyết minh | | 3 | Văn bản nghị luận | - Chú ý tìm ra các luận điểm, lí lẽ và dẫn chứng để thấy được sự liên kết của văn bản  - Cần hiểu được mục đích và đối tượng hướng đến của văn bản.  - Nghệ thuật viết văn nghị luận của tác giả | | 4 | Truyện cười | - Khái quát những đặc trưng của thể loại truyện cười  - Chỉ ra mục đích của tiếng cười  - Trả lời câu hỏi: Cái cười ở đây bật ra nhằm mục đích gì? Có thể rút ra những bài học gì cho cuộc sống từ truyện cười đã đọc? | | 5 | Hài kịch | - Tìm hiểu nhân vật kịch  - Tìm hiểu xung đột kịch  - Tìm hiểu hành động kịch  - Tìm hiểu lời thoại |   **II. TIẾNG VIỆT**  **1. Đọc đoạn văn và thực hiện yêu cầu**  a. Đoạn văn trên được viết theo kiểu diễn dịch  b. Câu chủ đề của đoạn văn trên là: *Tiếng cười có một nhiệm vụ quan trong với cấu trúc cơ thể của chúng ta.*  c. Tìm từ Hán Việt:  - Thân thể: thân mình. Chỉ chung mình mẩy chân tay của một người.  - Hài hòa: phối kết phù hợp và cân đối, hòa thuận nhịp nhàng.  - Khôi phục: Cái gì đã mất mà lấy lại được, làm cho việc gì trở lại như vốn có, như trước đó gọi là “khôi phục”.  **2. Xác định từ ngữ địa phương, thán từ**  a. Từ ***miệt*** là từ ngữ địa phương, được dùng để chỉ “vùng, miền, thường không lớn lắm”.  b. Trong bài ca dao, ***“ơi”*** là thán từ, dùng để gọi một cách thân mật, thân thiết.    **3. Xác định từ tượng thanh, nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn**  a. Trong câu tục ngữ, từ tượng thanh *uôm uôm* có tác dụng mô phỏng âm thanh của tiếng ếch kêu.  b. Nghĩa tường minh của câu tục ngữ: Khi ếch kêu uôm uôm thì ao chuôm đầy nước.  Nghĩa hàm ẩn của câu tục ngữ: Ếch kêu uôm uôm là dấu hiệu báo trời sắp mưa. Câu tục ngữ nêu lên một kinh nghiệm của dân gian về thời tiết.  **III. VIẾT**  **1. Điền thông tin về một số kiểu bài viết vào bảng sau:**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Kiểu bài** | **Khái niệm** | **Đặc điểm** | **Bố cục** | | Văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên | Là văn bản được viết để lí giải nguyên nhân xuất hiện và cách thức diễn ra của một hiện tượng tự nhiên | Thường xuât hiện trong các tài liệu khoa học với các dạng như: giải thích trình tự diễn ra các hiện tượng tự nhiên, giải thích nguyên nhân dẫn đến sự xuất hiện của hiện tượng tự nhiên..... | - Phần mở đầu  - Phần nội dung  - Phần kết thúc | | Văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống | Là kiêu văn bản thông tin trình bày ý kiến, nguyện vọng của người viết, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân xem xét giải quyết một vấn đề của đời sống thuộc thẩm quyền của họ | Cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin về thời gian, địa điểm, tổ chức hoặc cá nhân đề nghị, thông tin về người viết kiến nghị. | - Phần mở đầu  - Phần nội dung  - Phần kết thúc  - phụ định | | Bài văn kể lại một hoạt động xã hội | Là kiểu văn bản về về một hoạt động xã hội của chủ thể | - Thể hiện việc chuẩn bị, điễn biến và ý nghĩa của hoạt động | - Phần mở đầu  - Phần nội dung  - Phần kết thúc |   **2.** Ở học kì I của lớp 8, em được tiếp tục rèn luyện một số kiểu bài viết đã học ở lớp 6 và lớp 7. Đó là những kiểu bài như: viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tự do, viết văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên, viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống, viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội, viết văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống. So với những lớp trước, ở học kì này, em đã học thêm được cách triển khai chi tiết nội dung, cách trình bày và hiểu được cách làm bài văn sâu hơn các kì trước.  **IV. NÓI VÀ NGHE**  **1. Liệt kê những nội dung thực hành nói và nghe mà em đã trải nghiệm ở mỗi bài học của học kì I. Trong những nội dung ấy, em có ấn tượng với trải nghiệm ở bài học nào nhất?**  Những nội dung thực hành nói và nghe:  - Nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác.  - Nghe và nắm bắt nội dung chính trong thảo luận nhóm, trình bày lại nội dung đó.  - Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội.  - Thảo luận ý kiến về một vấn đề của đời sống.  - Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội.  **2. Việc nghe tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác và nghe nắm bắt nội dung chính trong thảo luận nhóm, trình bày lại nội dung đó có điểm gì giống và khác nhau?**  - **Giống nhau:** Cùng tóm tắt nội dung từ bên ngoài, ý kiến của người khác.  - **Khác nhau**: Nghe tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác thì cần sự tập trung và cần xem xét ý hiểu, cách trình bày của người khác để rút kinh nghiệm còn nghe nắm bắt nội dung chính trong thảo luận nhóm, trình bày lại nội dung đó thì cần sự tập trung và chọn lọc ra các ý kiến tốt nhất để trình bày.  **3. Điều quan trọng nhất cần lưu ý để việc thảo luận ý kiến về một vấn đề của đời sống đạt kết quả như mong muốn là gì? Vì sao em cho như vậy?**  Theo em là cần tôn trọng quan điểm khác biệt. Bởi mỗi người có một suy nghĩ khác nhau, cần tôn trọng các ý kiến đó, không chen ngang mà nên nghe và thống nhất, học hỏi, tìm ra ý kiến tốt nhất để cùng nhau học tập trao đổi. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

***a. Mục tiêu:*** Củng cố lại kiến thức đã học.

***b. Nội dung:*** Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài học

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *- Nhận định về cách viết các kiểu bài đã học ở kì I được trình bày trong bảng SGK/133 là đúng hay sai? Lí giải vì sao?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ theo sự hướng dẫn của GV.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Lần lượt cá nhân học sinh trả lời câu hỏi và lí giải  - HS lắng nghe, ghi chép ý kiến nhận xét khi giáo viên sửa chữa.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, yêu cầu HS chỉnh sửa hoàn thiện bài tập. | |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Đúng** | **Sai** | **Lí giải (nếu sai)** | | 1 |  | x | Có thể sử dụng vần chân, vần lưng, vần liền, vần cách hoặc sử dụng phối hợp nhiều loại vần. | | 2 |  | x | Bố cục của đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ tự do gồm ba phần: mở đoạn (giới thiệu nhan đề bài thơ tự do, tên tác giả, nêu cảm xúc chung về bài thơ), thân đoạn (nêu các ý thể hiện cảm xúc về toàn bộ bài thơ hoặc một vài nét độc đáo của bài thơ), kết đoạn (khẳng định lại cảm xúc về bài thơ và ý nghĩa của nó đối với người viết). | | 3 | x |  |  | | 4 |  | x | Để thu thập tư liệu cho bài viết giải thích một hiện tượng tự nhiên, người viết không những cần chú ý quan sát và ghi chép lại cẩn thận cách thức diễn ra của hiện tượng tự nhiên (nếu có điều kiện thuận lợi) mà còn cần tìm đọc tư liệu về hiện tượng tự nhiên muốn giải thích trên Internet, tạp chí/ sách chuyên ngành, báo, SGK, phim tư liệu, chương trình ti vi hoặc tham khảo ý kiến của các nhà nghiên cứu. | | 5 |  | x | Phần nội dung của VB kiến nghị gồm lí do kiến nghị, nội dung kiến nghị và đề xuất hướng giải pháp liên quan đến vấn đề kiến nghị (nếu có). | | 6 |  | x | Đối với bài văn kể về một chuyến đi hay một hoạt động xã hội, người kể cần kể lại các sự việc một cách chân thực theo trình tự diễn tiến của hoạt động. | | 7 | x |  |  | | 8 | x |  |  | |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***a. Mục tiêu:*** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

***b. Nội dung:*** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV giao nhiệm vụ:  *(1). Nếu được chia sẻ kinh nghiệm liên quan đến việc trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội, em sẽ chọn chia sẻ điều gì?*  *(2). Đọc diễn cảm 1 bài thơ hoặc đoạn thơ 6 chữ hoặc 7 chữ mà em yêu thích. Nêu ấn tượng của em về bài thơ, đoạn thơ ấy?*  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm cá nhân.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | *(1). Nếu được chia sẻ kinh nghiệm liên quan đến việc trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội, em sẽ chọn chia sẻ điều gì?*  Nếu được chia sẻ kinh nghiệm liên quan đến việc trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội, em sẽ chọn chia sẻ về cách tìm ý:  - Dựa vào bài viết lựa chọn các ý chính, các chỗ có thể lược bỏ.  - Tìm những câu mở đầu, kết thúc bài nói phù hợp, nhằm gây chú ý, tạo ấn tượng đối với người nghe.  - Sử dụng công cụ hỗ trợ như: bản tóm tắt các ý chính đề khi cần chỉ nhìn lướt qua là nhớ, chuẩn bị tìm hình ảnh, video, sơ đồ, bảng biểu để trình chiếu nhằm tăng tính thuyết phục cho lí lẽ và bằng chứng.  - Dự kiến trước một số điểm thắc mắc mà người nghe có thể nêu lên để tìm cách trả lời, giải đáp.  *(2). Phần đọc và chia sẻ cảm nhận của học sinh.* |

**NHẬN XÉT, DẶN DÒ**

- GV nhận xét quá trình thực hiện các hoạt động của HS.

- Đối với bài học tiết này:

+ Hoàn thành câu hỏi SGK nếu chưa hoàn thành.

+ Ôn tập tốt kiến thức chuẩn bị cho bài kiểm tra cuối học kì I.

- Đối với bài học tiết sau: ***“Kiểm tra cuối kì I”.***

+ Ôn tập toàn bộ kiến thức đã học và theo hướng dẫn của đề cương ôn tập.

+ Nắm kĩ cách viết bài văn tự sự.